

Số: 04 /CTCC

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 6 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY
BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tên công ty: **Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long**

Trụ sở chính: Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 02703.822729

Fax : 02703.831283

Người thực hiện công bố thông tin: Ông **Ngô Thành Thía**

Địa chỉ : 79/28, đường Phạm Thái Bường, phường 4, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : 0918165880 - 02703.830707

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại đường dẫn www.vipuco.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HQQT, BKS, Thư ký;
- BGD Cty;
- Lưu

Người thực hiện công bố thông tin



Ngô Thành Thía

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ-CTCC

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
NHIỆM KỲ II (2021-2026)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long;

Căn cứ Biên bản số: 01/BBĐHĐCĐ-CTCC, ngày 29/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, nhiệm kỳ II (2021-2026) của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long;

QUYẾT NGHỊ:

Nội dung 1. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020, phương hướng hoạt động năm 2021.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 3. Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2020.

Theo nội dung Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 4. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích các quỹ công ty năm 2020.

4.1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2019: 528.562.861 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 10.780.562.052 đồng.

4.2. Trích quỹ đầu tư phát triển:



- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: $10.780.562.052 \text{ đồng} \times 30\% = 3.234.168.616 \text{ đồng}$.

4.3. Trả cổ tức:

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trả cổ tức là 7%/vốn điều lệ.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm là trả cổ tức 8%/vốn điều lệ, cụ thể: $35.362.220.000 \text{ đồng} \times 8\% = 2.828.977.600 \text{ đồng}$.
- Nguồn chi trả cổ tức 2020 là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, cụ thể:
 - + Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2019: 528.562.861 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 2.300.414.739 đồng.
- Hình thức chi trả: tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời điểm chi trả là 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2021.

4.4. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:

- Kế hoạch ĐHCĐ thông qua tỷ lệ trích 30% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trích tỷ lệ 39,2%, bằng 1,6 tháng lương tiền bình quân thực hiện của người lao động là 4.230.396.659 đồng.

4.5. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty:

- Kế hoạch ĐHCĐ thông qua tỷ lệ trích 5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người quản lý.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ tỷ lệ trích 3% (bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý) là 324.925.709 đồng.

4.6. Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối:

- Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2020: 690.656.329 đồng chuyển sang năm tiếp theo.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 5. Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:

- Tổng doanh thu: 75.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 7.500.000.000 đồng
- Dự kiến lãi trên cổ phần (theo mệnh giá): 700 đồng/cổ phần
- Dự kiến cổ tức (%): 7%/cp (theo mệnh giá).

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 6. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2021:

Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021, gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIET NAM
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 7. Thông qua Tờ trình mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Người phụ trách quản trị, Thư ký công ty năm 2021:

-Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách:
3.000.000đồng/người/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/người/tháng

- Người phụ trách quản trị, Thư ký công ty: 3.000.000đồng/người/tháng.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 8. Thông qua Tờ trình bổ sung Điều lệ Công ty (bổ sung ngành nghề kinh doanh)

- Mã ngành : 0118 : Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa

Chi tiết : 01183 : Trồng hoa hàng năm

- Mã ngành : 0129 : Trồng cây lâu năm khác

Chi tiết : 01291 : Trồng cây cảnh lâu năm

- Mã ngành : 0132 : Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm.

- Mã ngành : 2012 : Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.

- Mã ngành : 3700 : Thoát nước và xử lý nước thải.

- Mã ngành : 3830 : Tái chế phế liệu

- Mã ngành : 4620 : Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống

Chi tiết : 46201 : Bán buôn hoa và cây

- Mã ngành : 8120 : Dịch vụ vệ sinh

Chi tiết : 81210 : Vệ sinh chung nhà cửa

Chi tiết : 81290 : Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 9. Thông qua Tờ trình Điều lệ Công ty sửa đổi lần 3.

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 10. Thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 11. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT công ty

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 12. Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 13. Thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ I(2016-2021) do hết nhiệm kỳ.

1. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 do hết nhiệm kỳ.

- Ông Ngô Thành Thía
- Ông Nguyễn Văn Thuận
- Bà Lê Thị Thanh Nhân
- Bà Nguyễn Thị Quý
- Ông Đào Thanh Liêm

2. Thông qua miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 do hết nhiệm kỳ.

- Ông Phạm Công Hiền
- Ông Trương Tấn Đạt
- Ông Lương Minh Triết

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 14. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 15. Thông qua số lượng và danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026).

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 người, Nhiệm kỳ 05 năm
- Số lượng thành viên BKS: 03 người, Nhiệm kỳ 05 năm

* Danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026).

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	CMND/CCCD	Vị trí ứng cử
1	Ngô Thành Thía	1968	330869889	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Thuận	1965	042065000416	
3	Nguyễn Khắc Yên Đan	1974	331204347	

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

* Danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	CMND/CCCD	Vị trí ứng cử
1	Phạm Công Hiền	1978	331241273	Trưởng ban kiểm soát
2	Trương Tấn Đạt	1981	331336036	
3	Phạm Thị Phương Loan	1984	331482473	

Tỷ lệ phiếu biểu quyết đồng ý thông qua 3.507.922 cổ phần với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nội dung 15. Thông qua Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026), Bầu chủ tịch HĐQT và đề cử bổ nhiệm Giám đốc công ty.

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số cổ phần đồng ý	Tỷ lệ %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
	Ngô Thành Thía	1968	3.761.266	35,74%
	Nguyễn Văn Thuận	1965	3.380.200	32,12%
	Nguyễn Khắc Yên Đan	1974	3.381.400	32,13%

Phiên họp thứ 1 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026):

-Bầu Ông **Ngô Thành Thía** giữ chức Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ II (2021-2026), với tỷ lệ đồng ý 100%

-Đề cử bổ nhiệm ông **Nguyễn Văn Thuận**, Thành viên HĐQT giữ chức Giám đốc Công ty, với tỷ lệ đồng ý 100%.

Nội dung 16. Thông qua Kết quả bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026), Bầu Trưởng Ban Kiểm soát.

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số cổ phần đồng ý	Tỷ lệ %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
	Phạm Công Hiền	1978	3.762.066	35,75%
	Trương Tấn Đạt	1981	3.380.600	32,12%
	Phạm Thị Phương Loan	1984	3.381.100	32,13%

Phiên họp thứ 1 Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026):

-Bầu Ông **Phạm Công Hiền** giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026), với tỷ lệ đồng ý 100%

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, nhiệm kỳ II (2021-2026) Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long thông qua toàn văn trước Đại hội và được sự đồng ý của cổ đông với tỷ lệ 100% số cổ phần có quyền biểu quyết tại đại hội.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 29/6/2021./.

Nơi Nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BGD, BKS;
- Website công ty, UBCKNN, HNX;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA- CHỦ TỊCH HĐQT**



Ngô Thành Thía

Số : 01 /BB-ĐHĐCĐ

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021,
NHIỆM KỲ II (2021-2026)
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
- Tên viết tắt: VIPUCO
- Mã chứng khoán: VLP
- Thời gian: 7giờ 00 phút, ngày 29 tháng 6 năm 2021 (Thứ ba).
- Địa điểm:Hội trường Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
Số 86, đường 3 tháng 2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

*** Thành phần tham dự:**

- Cổ đông của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
- Khách mời tham dự Đại hội:
 - Ông: Hồ Văn Kiên, Phó Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Vĩnh Long
 - Ông: Nguyễn Văn Lăng, Phó Trưởng phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long
 - Ông: Phạm Đình Luật, Phó phòng quản lý giá Công sản và Tài chính doanh nghiệp Sở Tài chính tỉnh Vĩnh Long

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:

1. Nhân sự Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:

- Bà: Đinh Thị Quỳnh Như, Phó Phòng TC-HC - Trưởng Ban
- Bà: Trần Ngọc Linh, Nhân viên Phòng KH - KT- KD -Thành viên.
- Ông: Cao Minh Duy, Nhân viên Phòng KH - KT- KD -Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Vân Thảo, NV Phòng Kế toán – Tài vụ - Thành viên.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:

- Người báo cáo: Bà Đinh Thị Quỳnh Như, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Nội dung báo cáo:

+ Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ Cổ đông sở hữu 3.536.222 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long theo danh sách chốt đến 16 giờ ngày 04/6/2021.

+ Hôm nay, vào lúc giờ ngày 29/6/2021, Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội: Tổng số Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội: 14 đại biểu, đại diện cho 3.507.922 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,2% tổng số cổ phần của công ty.

+ Theo kết quả kiểm tra nêu trên, các Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội đã đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đảm bảo đủ điều kiện để tiến hành phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026) Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu:

1. Đoàn Chủ tọa thành phần như sau:

- Ông: Ngô Thành Thía, Chủ tịch HĐQT
- Ông: Nguyễn Văn Thuận, Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty

Đại hội thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa với tỷ lệ đồng ý là 100%.

2. Thư ký Đại hội:

- Bà: Đặng Thị Ngọc Chân, Trưởng phòng TC-HC kiêm Thư ký HĐQT
- Đại hội thông qua danh sách Thư ký Đại hội với tỷ lệ đồng ý là 100%.

3. Ban Kiểm phiếu và bầu cử:

- Bà: Đinh Thị Quỳnh Như, Phó Phòng TC-HC - Trưởng Ban
- Bà: Trần Ngọc Linh, Nhân viên Phòng KH - KT- KD -Thành viên.
- Ông: Cao Minh Duy, Nhân viên Phòng KH - KT- KD -Thành viên.
- Bà Nguyễn Thị Vân Thảo, NV Phòng Kế toán – Tài vụ - Thành viên.

Đại hội thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu và bầu cử với tỷ lệ đồng ý là 100%.

III. Thông qua Quy chế làm việc Đại hội; Chương trình Đại hội:

1. Trình bày Quy chế làm việc Đại hội:

Ông Ngô Thành Thía, Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty thông qua Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và xin ý kiến của Đại hội.

Đại hội thông qua Quy chế với tỷ lệ đồng ý là 100%.

2. Thông qua Chương trình Đại hội:

Ông Ngô Thành Thía, Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua Chương trình Đại hội gồm: 02 báo cáo và 12 Tờ trình và xin ý kiến Đại hội.

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ đồng ý là 100%.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Đại hội nghe trình bày nội dung Báo cáo và Tờ trình:

1. Ông Ngô Thành Thía, Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2021), Phương hướng hoạt động năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026).

2. Ông Phạm Công Hiền, Trưởng Ban Kiểm soát thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và giai đoạn 2016-2021, Phương hướng năm 2021 và giai đoạn 2021-2026.

3. Ông Nguyễn Văn Thuận, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty thông qua:

-Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020;

-Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích các quỹ công ty năm 2020.

4. Ông Ngô Thành Thía, Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua Tờ trình về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

5. Ông Nguyễn Văn Thuận, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty thông qua:

-Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.

-Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Người phụ trách quản trị, Thư ký công ty năm 2021.

-Tờ trình bổ sung Điều lệ Công ty (bổ sung ngành nghề kinh doanh).

-Tờ trình Điều lệ Công ty sửa đổi lần 3.

-Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

-Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT công ty.

-Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty.

PHẦN III: Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

Cổ đông thống nhất hoàn toàn các nội dung báo cáo và tờ trình mà Chủ tọa Đại hội thông qua và không có ý kiến đóng góp cho các nội dung đại hội.

6. Cổ đông biểu quyết các Báo cáo và tờ trình: (hình thức bỏ phiếu)

Ghi chú: Tổng số cổ phần có quyền dự họp: 3.507.922 cổ phần.

stt	Nội dung báo cáo, Tờ trình	Số cổ phần Đồng ý	Chiếm tỷ lệ %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp	Số cổ phần Không đồng ý	Số cổ phần Không có ý kiến
1	Báo cáo tổng kết hoạt động của HĐQT năm 2020 và nhiệm kỳ I	3.507.922	100%	0	0

	(2016-2021), Phương hướng hoạt động năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026)				
2	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và giai đoạn 2016-2021, Phương hướng năm 2021 và giai đoạn 2021-2026	3.507.922	100%	0	0
3	Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	3.507.922	100%	0	0
4	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích các quỹ công ty năm 2020	3.507.922	100%	0	0
5	Tờ trình về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	3.507.922	100%	0	0
6	Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	3.507.922	100%	0	0
7	Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách, Người phụ trách quản trị, Thư ký công ty năm 2021	3.507.922	100%	0	0
8	Tờ trình bổ sung Điều lệ Công ty (bổ sung ngành nghề kinh doanh)	3.507.922	100%	0	0
9	Tờ trình Điều lệ Công ty sửa đổi lần 3	3.507.922	100%	0	0
10	Tờ trình Quy chế nội bộ về quản trị công ty	3.507.922	100%	0	0
11	Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT công ty	3.507.922	100%	0	0
12	Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty	3.507.922	100%	0	0

7. Ông Ngô Thành Thía, Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua các tờ trình và biểu quyết:

7.1. Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ I (2016-2021).

Đại hội biểu quyết bằng cách giơ thẻ với tỷ lệ đồng ý là 100%.

7.2. Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)

Đại hội biểu quyết bằng cách giơ thẻ với tỷ lệ đồng ý là 100%.

7.3. Tờ trình số lượng thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026).

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 người

- Số lượng thành viên BKS: 03 người.

Đại hội biểu quyết bằng cách giơ thẻ với tỷ lệ đồng ý là 100%.

7.4. Tờ trình nhân sự đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026). *(Danh sách lý lịch trích ngang các ứng viên).*

Đại hội giới thiệu cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% cổ phần phổ thông trở lên được quyền giới thiệu đề cử, ứng cử vào HĐQT và BKS.

*Đại hội biểu quyết thông qua danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026).

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	CMND/CCCD	Vị trí ứng cử
1	Ngô Thành Thía	1968	330869889	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Thuận	1965	042065000416	
3	Nguyễn Khắc Yên Đan	1974	331204347	

Đại hội biểu quyết bằng cách giơ thẻ với tỷ lệ đồng ý là 100%.

*Đại hội biểu quyết thông qua danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	CMND/CCCD	Vị trí ứng cử
1	Phạm Công Hiền	1978	331241273	Trưởng BKS
2	Trương Tấn Đạt	1981	331336036	
3	Phạm Thị Phương Loan	1984	331482473	

Đại hội biểu quyết bằng cách giơ thẻ với tỷ lệ đồng ý là 100%.

8. Bà Đinh Thị Quỳnh Như, Trưởng Ban kiểm phiếu hướng dẫn bầu cử.

9. Đại hội tiến hành bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).

10. Bà Đinh Thị Quỳnh Như, Trưởng Ban kiểm phiếu Công bố kết quả bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026).

10.1. Kết quả bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026).

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số cổ phần đồng ý	Tỷ lệ %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
1	Nguyễn Khắc Yên Đan	1974	3.381.400	35,74%
2	Nguyễn Văn Thuận	1965	3.380.200	32,12%
3	Ngô Thành Thía	1968	3.761.266	35,74%

Phiên họp thứ 1 Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II (2021-2026):

-Bầu Ông **Ngô Thành Thía** giữ chức Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ II (2021-2026), với tỷ lệ đồng ý 100%

-Đề cử bổ nhiệm ông **Nguyễn Văn Thuận**, Thành viên HĐQT giữ chức Giám đốc Công ty, với tỷ lệ đồng ý 100%.

10.2. Kết quả bầu cử Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026).

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Số cổ phần đồng ý	Tỷ lệ %/ tổng số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
1	Trương Tấn Đạt	1981	3.380.600	32,12%
2	Phạm Công Hiền	1978	3.762.066	35,75%
3	Phạm Thị Phương Loan	1984	3.381.100	32,13%

Phiên họp thứ 1 Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021-2026):

-Bầu Ông **Phạm Công Hiền** giữ chức Trưởng Ban Kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026), với tỷ lệ đồng ý 100%

11. HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026) ra mắt nhận nhiệm vụ.

12. Thông qua Biên bản Đại hội: Bà Đặng Thị Ngọc Chân, Thư ký Đại hội thông qua Biên bản Đại hội.

13. Thông qua Nghị quyết Đại hội:

Bà Đặng Thị Ngọc Chân, Thư ký Đại hội thông qua Nghị quyết Đại hội.

Ông Ngô Thành Thía, Chủ tịch HĐQT điều hành biểu quyết Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, nhiệm kỳ II (2021-2026), với số sở phần đồng ý là 3.507.922 đạt 100%

14. Bế mạc Đại hội:

Vào lúc 09 giờ 30 phút cùng ngày, Ông Ngô Thành Thía – Chủ tọa đoàn đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021, nhiệm kỳ II (2021-2026) của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Biên bản ngày được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Đặng Thị Ngọc Chân

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**



Ngô Thành Thía



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
VĨNH LONG**

Số: /BBKP-CTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ II (2021-2026)
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty;

Hôm nay, ngày 29/6/2021, tại Hội trường Công ty cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long. Ban bầu cử bao gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| 1. Bà Đinh Thị Quỳnh Như | : Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Vân Thảo | : Thành viên |
| 3. Bà Trần Ngọc Linh | : Thành viên |
| 4. Ông Cao Minh Duy | : Thành viên |

Cùng tiến hành kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ II(2021-2026). Tính đến thời điểm 8 giờ 30 phút, ngày 29/6/2021, số cổ đông trực tiếp và đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội đồng cổ đông là : 14 người, tương ứng 3.507.922 cổ phần, có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội. Kết quả bầu cử như sau:

Số phiếu phát ra:	14	phiếu
Số phiếu thu về:	14	phiếu
Số phiếu hợp lệ:	14	phiếu
Tổng số phiếu bầu tham gia bầu cử hợp lệ:	10.523.766	phiếu bầu
Số phiếu không hợp lệ:	0	phiếu
Số lượng phiếu bầu tham gia bầu cử không hợp lệ:	0	phiếu bầu

Kết quả kiểm phiếu bầu đối với từng ứng viên cụ thể như sau :

Số TT	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu	Tỷ lệ phiếu bầu / Tổng số CP có quyền bầu cử có mặt tại Đại hội (%)
1	Nguyễn Khắc Yên Đan	3.381.400	32,13%
2	Ngô Thành Thía	3.761.266	35,74%
3	Nguyễn Văn Thuận	3.380.200	32,12%
Tổng :			

Căn cứ Thể lệ bầu cử, ứng cử viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ II (2021-2026) là:

Số TT	Họ và tên	Số lượng phiếu bầu
1	Ngô Thành Thía	3.761.266
2	Nguyễn Khắc Yên Đan	3.381.400
3	Nguyễn Văn Thuận	3.380.200

Ban Kiểm phiếu bầu cử xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này gồm 02 trang và được lập thành 02 bản, lưu tại Văn phòng Công ty.

**CHỦ TOẠ HỘI ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**

**TM. BAN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ
TRƯỞNG BAN**



Ngô Thành Thía

Đinh Thị Quỳnh Như

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
VĨNH LONG**

Số: /BBKP-CTCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU

**BẦU TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ II (2021-2026)
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long;
- Căn cứ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty;

Hôm nay, ngày 29/6/2021, tại Hội trường Công ty cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long. Ban bầu cử bao gồm:

- | | |
|---------------------------|--------------|
| 1. Bà Đinh Thị Quỳnh Như | : Trưởng ban |
| 2. Bà Nguyễn Thị Vân Thảo | : Thành viên |
| 3. Bà Trần Ngọc Linh | : Thành viên |
| 4. Ông Cao Minh Duy | : Thành viên |

Cùng tiến hành kiểm phiếu bầu Trưởng ban kiểm soát, nhiệm kỳ II (2021-2026). Tổng số thành viên thành phần Ban kiểm soát là 03 người.

Kết quả bầu cử như sau:

Số phiếu phát ra:	03 phiếu
Số phiếu thu về:	03 phiếu
Số phiếu hợp lệ:	03 phiếu
Số phiếu không hợp lệ:	0 phiếu

Kết quả kiểm phiếu bầu, cụ thể như sau :

Số TT	Họ tên	Số lượng phiếu	Tỷ lệ
1	Phạm Công Hiên	3/3	100 %

Căn cứ Thẻ lệ bầu cử, ứng cử viên trúng cử Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long, nhiệm kỳ II (2021-2026) là :
Ông Phạm Công Hiền

Ban Kiểm phiếu bầu cử xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
Biên bản này gồm 02 trang và được lập thành 02 bản, lưu tại văn phòng Công ty.

**CHỦ TOẠ ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT**



Ngô Thành Chĩa

**TM. BAN KIỂM PHIẾU BẦU CỬ
TRƯỞNG BAN**

Đinh Thị Quỳnh Như

gốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Địa chỉ : Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
Điện thoại : (02703) 822729 Fax: (02703) 831283
Website : <http://vipuco.vn> hoặc <http://vipuco.com>
Mã chứng khoán : VLP



**TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Nhiệm kỳ II (2021-2026)**

❧ ❧ ❧
THÁNG 6/2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026
Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Thời gian: 07 giờ, 00 phút, Ngày 29/6/2021
Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

stt	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	Người thực hiện
I	Phần nghi thức:	
1	Đón tiếp đại biểu và khách mời	
2	Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông	Ban tổ chức
3	Phát tài liệu	Ban tổ chức
4	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	Ban tổ chức
5	Báo cáo kết quả thăm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội	Ban tổ chức
6	Giới thiệu Chủ tọa Đại hội, Ban thư ký Đại hội	Ban tổ chức
7	Chủ tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu và thông qua biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông	Chủ tọa ĐH
8	Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội	Đoàn chủ tịch
9	Thông qua chương trình Đại hội	Đoàn chủ tịch
II	Phần nội dung: Các báo cáo/ tờ trình thông qua Đại hội	
1	Thông qua Báo cáo hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ I (2016-2021) và phương hướng hoạt động nhiệm kỳ II (2021-2026)	Đoàn chủ tịch
2	Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021, định hướng giai đoạn 2021-2026	Trưởng Ban KS
3	Thông qua Tờ trình Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020	Đoàn chủ tịch
4	Thông qua Tờ trình việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2020	Đoàn chủ tịch
5	Thông qua Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021	Đoàn chủ tịch
6	Thông qua Tờ trình lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021	Đoàn chủ tịch
7	Thông qua Tờ trình thù lao thành viên HĐQT, BKS, người phụ trách quản trị công ty, Thư ký Công ty năm 2021	Đoàn chủ tịch
8	Thông qua Tờ trình bổ sung Điều lệ công ty	Đoàn chủ tịch
9	Thông qua Tờ trình Điều lệ sửa đổi lần 3	Đoàn chủ tịch
10	Thông qua Tờ trình Quy chế nội bộ về Quản trị sửa đổi	Đoàn chủ tịch

11	Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của HĐQT	Đoàn chủ tịch
12	Thông qua Tờ trình Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát	Đoàn chủ tịch
13	Đại hội thảo luận và góp ý	Đoàn chủ tịch
14	Cổ đông tham dự biểu quyết	Đoàn chủ tịch
	Phần bầu cử	
15	Thông qua Tờ trình miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ I (2016-2021) do kết thúc nhiệm kỳ	Đoàn chủ tịch
16	Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS	Đoàn chủ tịch
17	Thông qua Tờ trình số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)	Đoàn chủ tịch
18	Thông qua Tờ trình nhân sự đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS đủ tiêu chuẩn	Đoàn chủ tịch
19	Trích ngang lý lịch các ứng viên	Đoàn chủ tịch
20	Giới thiệu và thông qua Ban bầu cử kiểm phiếu	Đoàn chủ tịch
21	Hướng dẫn bầu cử	Ban kiểm phiếu
22	Tiến hành bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)	
	Nghỉ giải lao	
23	Đại hội nghỉ giải lao	
24	Ban bầu cử kiểm phiếu	Ban kiểm phiếu
	III Kết quả bầu cử và biểu quyết các tờ trình	
25	Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết các tờ trình	Ban kiểm phiếu
26	Công bố kết quả bầu cử	Ban kiểm phiếu
27	HĐQT và BKS họp phiên đầu tiên bầu Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát và đề cử bổ nhiệm Giám đốc	
28	HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 ra mắt nhận nhiệm vụ	
	IV Tổng kết, Bế mạc	
29	Thông qua Biên bản Đại hội	Ban Thư ký
30	Thông qua Nghị quyết Đại hội	Ban Thư ký
31	Tuyên bố bế mạc Đại hội	Ban tổ chức

QUY CHẾ LÀM VIỆC
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ công ty được sửa đổi bổ sung lần thứ 1 ngày 28/6/2017;

Nhằm đảm bảo Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long năm 2021 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

I. MỤC ĐÍCH:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.

- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT:

- Công ty : Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

IV. NỘI DUNG QUY CHẾ:

1. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông:

- Đại hội cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHCĐ lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày **04/6/2021** đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

3. Khách mời tại Đại hội:

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ:

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân,... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần Đại biểu có thể đàm thoại bên ngoài hội trường làm việc.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

5. Chủ tọa Đại hội:

- Chủ tịch HĐQT sẽ là chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong HĐQT làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa

thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:

- Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội.
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
- Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết.
- Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và một người hỗ trợ thư ký.
- Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.
- Trình các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

6. Thư ký Đại hội:

Chủ tọa cử ra 02 người làm Thư ký đại hội.

* Nhiệm vụ và quyền hạn:

- Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
- Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu.
- Lập biên bản họp đại hội đồng cổ đông.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

* Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

7. Ban kiểm phiếu:

- Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức tham dự Đại hội và không có tên trong danh sách ứng cử viên (khi bầu cử) do Chủ tọa giới thiệu (không quá 05 người) để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyên biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.

8. Phát biểu tại Đại hội:

- Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

9. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội:

a. Các quy định chung:

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) “**Thẻ biểu quyết**” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

- Một (01) “**Phiếu biểu quyết**” có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

- Một (01) “**Phiếu bầu cử**” thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026

- Một (01) “**Phiếu bầu cử**” thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026

b. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

c. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết và một (01) thẻ biểu quyết.

- Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng

cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

*Hình thức biểu quyết: Có 02 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu.

-Giơ thẻ: Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Ban Kiểm phiếu, Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

-Bỏ phiếu:

+ Biểu quyết các Báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội.

+ Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (thực hiện theo Quy chế bầu cử)

*Cách thức biểu quyết:

-Giơ thẻ: Theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, cổ đông lần lượt biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa. Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

-Bỏ phiếu: Cổ đông biểu quyết bằng lựa chọn đánh dấu "X" vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến). Những cổ đông không chọn phương án biểu quyết nào đối với 01 vấn đề được xem là không có ý kiến vấn đề cần biểu quyết. Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

+ Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (thực hiện theo Quy chế bầu cử)

d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty: phải được số đại biểu đại diện ít nhất

65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

V. THỰC HIỆN:

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản Luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- CB thông tin;
- HĐQT;
- BĐH;
- BKS;
- Lưu VT; Thư ký cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Thành Thía

BÁO CÁO
Tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị
năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2021)
định hướng hoạt động năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
Căn cứ Điều lệ công ty được sửa đổi bổ sung lần thứ 1 ngày 28/6/2017;
Căn cứ vào Nghị quyết số: 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2021), định hướng hoạt động năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026), như sau:

I. Thông tin chung:

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long.
- Tên Viết tắt : VIPUCO
- Mã cổ phiếu : VLP.
- Vốn điều lệ : 35.362.220.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng)
- Tổng số lượng cổ phần : 3.536.222 cổ phần, trong đó cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2020 là:
 - + Số cổ phần cổ đông nhà nước chiếm 81,24%, tương ứng với 2.872.822 cổ phần.
 - + Số cổ phần cổ đông là cá nhân chiếm 18,76%, tương ứng với 663.400 cổ phần.

II. Đánh giá về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2021):

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu cổ phần:

a. Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021:

Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long tổ chức ngày 06/9/2016, bầu Hội đồng quản trị gồm có 05 thành viên gồm Ông/Bà: Ông Đào Thanh Liêm, Ông Ngô Thành Thía, Ông Nguyễn Văn Thuận, Bà Lê Thị Thanh Nhân, Bà Nguyễn Thị Quý. Hội đồng Quản trị đã bầu chức danh Chủ tịch HĐQT là Ông Đào Thanh Liêm; Bổ nhiệm Ông Ngô Thành Thía giữ chức Giám đốc.

Ngày 19/11/2020 Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT miễn nhiệm chức danh chủ tịch HĐQT đối với Ông Đào Thanh Liêm do nghỉ hưu theo chế độ. Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT bầu ông Ngô Thành Thía giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021. Bổ nhiệm Ông Nguyễn Văn Thuận giữ chức Giám đốc.

b. Tỷ lệ sở hữu cổ phần năm 2020:

- Ông Ngô Thành Thía, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT công ty, tổng số cổ phần sở hữu là 2.895.022 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 81,86%; trong đó cá nhân sở hữu: 22.200 cổ phần, cổ phần đại diện UBND tỉnh là: 2.872.822 cổ phần.

- Ông Nguyễn Văn Thuận, chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty, tổng số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.200 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,06%.

- Bà Lê Thị Thanh Nhân, chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc công ty, tổng số cổ phần sở hữu cá nhân: 21.500 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,6%.

- Bà Nguyễn Thị Quý, chức vụ: Thành viên HĐQT. Trưởng Ban kiểm tra công ty, tổng số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,28%.

c. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2021):

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, pháp luật có liên quan.

- Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và ban hành các Nghị quyết, Quyết định mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT;

- Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

d. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

- Hội đồng Quản trị trong năm đã tổ chức 18 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát công ty và được trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ. Các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát được Chủ tịch HĐQT và Giám đốc thông tin đầy đủ, kịp thời các mặt hoạt động của công ty.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đào Thanh Liêm	2	100%	Nghỉ hưu
2	Ông Ngô Thành Thía	18	100%	

3	Ông Nguyễn Văn Thuận	18	100%	
4	Bà Lê Thị Thanh Nhân	18	100%	
5	Bà Nguyễn Thị Quý	18	100%	

- Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ của từng thành viên theo từng mảng công việc cụ thể, nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân để góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức và quản trị công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc công ty điều hành quá trình sản xuất kinh doanh và sắp xếp ổn định bộ máy tổ chức.

đ. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2020:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01-NQ/HĐQT	14/4/2020	Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh định hướng 5 năm, từ 2020 đến 2024	5/5
02	02-NQ/HĐQT	29/5/2020	Nghị quyết về việc thống nhất các nội dung trình ĐHĐCĐTN năm 2020. Thời gian tổ chức ĐHĐCĐTN năm 2020	5/5
03	03-NQ/HĐQT	23/6/2020	Nghị quyết về việc thành lập Ban Kiểm tra trực thuộc Công ty	5/5
04	04-NQ/HĐQT	05/8/2020	Nghị quyết về việc chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền	5/5
05	05-NQ/HĐQT	19/11/2020	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT	4/4
06	06-NQ/HĐQT	19/11/2020	Nghị quyết về việc thống nhất bầu ông Ngô Thành Thía giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT công ty nhiệm kỳ 2016-2021	4/4
07	07-NQ/HĐQT	19/11/2020	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Giám đốc công ty nhiệm kỳ 2016-2021	4/4
08	08-NQ/HĐQT	19/11/2020	Nghị quyết về việc miễn nhiệm chức danh Phó Giám đốc Công ty và bổ nhiệm chức danh Giám đốc công ty nhiệm kỳ 2016-2021	4/4
09	09-NQ/HĐQT	9/11/2020	Nghị quyết về việc mua xe ép rác chuyên dùng	4/4
10	10-NQ/HĐQT	01/12/2020	Nghị quyết về việc thông qua lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	4/4

11	11-NQ/HĐQT	30/11/2020	Nghị quyết về việc phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021	4/4
12	12-NQ/HĐQT	14/12/2020	Nghị quyết về việc tạm trích quỹ khen thưởng năm 2020	4/4
13	13-NQ/HĐQT	21/12/2020	Nghị quyết về việc thống nhất mua xe cầu chuyên dùng 3,5 tấn	4/4

2. Công việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc công ty trong năm 2020 và nhiệm kỳ I (2016-2021):

a. Ban Giám đốc Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị luôn giám sát và chỉ đạo Ban Giám đốc công ty thực hiện đúng theo kế hoạch đã được thông qua. Nhìn chung, trong nhiệm kỳ 2016-2021, Ban Giám đốc luôn bám sát phương hướng nhiệm vụ đã đề ra trên cơ sở phát huy thuận lợi, hạn chế khó khăn, linh hoạt trong tổ chức và điều hành. Ban Giám đốc đã triển khai các giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế đạt và vượt các chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Ban Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đề ra kế hoạch hoạt động hàng năm để HĐQT xem xét tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Từ đó HĐQT kịp thời giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính công ty

Ban Giám đốc công ty đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của công ty, các văn bản của UBND tỉnh và sở ngành; thực hiện điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2016-2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020
Tổng tài sản	52.931	50.898	56.534	61.808	68.430
Tổng nguồn vốn	52.931	50.898	56.534	61.808	68.430
Tổng doanh thu	56.525	68.383	66.890	76.742	80.247
Lợi nhuận trước thuế	9.983	9.078	9.927	11.151	12.272
Các khoản nộp ngân sách	6.395	5.482	6.270	5.281	5.488
Lợi nhuận sau thuế	7.870	7.374	9.076	10.011	10.781

*** Phân tích một số chỉ tiêu tài chính:**

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ bình quân tăng 9.5% so với năm trước, tương ứng với doanh thu tăng bình quân hàng năm 6.000 triệu đồng.

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế bình quân tăng 6% so với năm trước, tương ứng với lợi nhuận bình quân hàng năm tăng 572 triệu đồng.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu bình quân hàng năm là 13%.

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân hàng năm là 15%

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân hàng năm là 20%

+ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát bình quân (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả) là 4 lần.

+ Hệ số khả năng thanh toán hiện hành bình quân hàng năm (Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn) là 3,5 lần.

+ Hệ số khả năng thanh toán nhanh bình quân hàng năm là 3,5 lần(Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn

+ Hệ số bảo toàn vốn (Vốn chủ sở hữu cuối kỳ/vốn chủ sở hữu đầu kỳ): 1,05

- Tình hình kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách tiền và tài sản nhà nước:

+ Tính hiệu quả: Qua số liệu trên cho thấy doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm trước; các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều đảm bảo, giá trị tổng tài sản đủ thanh toán các khoản nợ phải trả; khả năng sinh lời trên vốn cao và được bảo toàn vốn. Công ty luôn hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và hoạt động có hiệu quả.

+ Tính hiệu lực: Xét về cơ bản công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chấp hành pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện chế độ báo cáo kế toán, thống kê theo đúng quy định.

b. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các dự án đầu tư tại công ty năm 2020 và giai đoạn 2016-2021:

Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các công trình xây dựng do công ty làm chủ đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và các hợp đồng dịch vụ kinh doanh:

- Dự án Phủ đĩnh bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 1 : 18,446 tỷ đồng.

- Dự án Xây mới bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 2 : 20 tỷ đồng.

- Bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3 : 49,978 tỷ đồng.

- Xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Hòa Phú : 10,3 tỷ đồng.

- Dịch vụ xử lý rác : 8,337 tỷ đồng.

-Mua sắm trang thiết bị chuyên dùng : 4,450 tỷ đồng.

c. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc thực hiện các biện pháp tăng cường về mặt quản lý và tiết kiệm chi phí, đồng thời quan tâm đến chính sách tiền lương,

thường và thực hiện tốt các chính sách liên quan đến quyền lợi và lợi ích cho cổ đông của công ty. Qua đó góp phần tăng năng suất lao động, mang lại doanh thu, lợi nhuận và tăng thu nhập cho người lao động.

3. Báo cáo chi phí tiền lương của người quản lý công ty và Thù lao Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty năm 2020:

a. Quỹ tiền lương của người quản lý công ty gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng ban kiểm soát: 6,7 người, với tổng số tiền là: 2,599 tỷ đồng (Hai tỷ, năm trăm chín mươi chín triệu đồng).

⇒ Tiền lương bình quân: 32,091 triệu đồng/người/tháng.

b. Quỹ thù lao Ban kiểm soát hoạt động không chuyên trách: 02 người, tổng số tiền: 72 triệu đồng/năm.

⇒ Quỹ thù lao bình quân: 3 triệu đồng/ người/tháng.

c. Quỹ thù lao của Thư ký: 01 người, tổng số tiền: 36 triệu đồng/năm.

⇒ Quỹ thù lao bình quân: 3 triệu đồng/tháng.

4. Việc công bố thông tin:

Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời theo quy định của Bộ tài chính về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

III. Định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021 và nhiệm kỳ II (2021-2026):

1. Các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2021-2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng doanh thu	75.000	76.000	76.500	77.000	78.000
Lợi nhuận trước thuế	7.500	8.000	8.300	8.500	9.000
Các khoản nộp ngân sách	6.000	6.000	6.000	6.100	6.100
Lợi nhuận sau thuế	6.300	6.800	7.100	7.250	7.750
Cổ tức	7%	7%	7%	7%	7%

2. Định hướng hoạt động năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026:

- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và chức năng của HĐQT được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật;

- Giám sát Giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, nhiệm kỳ 2021-2026 theo Nghị quyết của ĐHCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty;

- Giám sát Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các dự án do công ty làm chủ đầu tư bằng nguồn vốn nhà nước và các hợp đồng dịch vụ kinh doanh năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026;

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh để tiết kiệm chi phí hợp lý cho công ty, nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và quan tâm đến thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động công ty;

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng địa bàn phục vụ của công ty;

- Chỉ đạo Ban điều hành mở rộng hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh các lĩnh vực then chốt như thu gom vận chuyển rác, chăm sóc công viên cây xanh, vận hành chiếu sáng công cộng xuống địa bàn các huyện trong tỉnh và sang các tỉnh lân cận và phát triển có chiều sâu lĩnh vực công viên cây xanh theo hướng tự cung cấp nguồn cây giống phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ hợp đồng công ích đô thị trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, thi công các công trình; dịch vụ cung cấp cây xanh cho các đối tác;

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, kính đề nghị Quý cổ đông tham gia đóng góp ý kiến, bổ sung đồng thời quan tâm hỗ trợ, cùng nhau cộng tác, giới thiệu khách hàng, tìm kiếm mở rộng thị trường, phát triển dịch vụ sản xuất kinh doanh, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 và nhiệm kỳ 2021-2026 như đã nêu trên.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu V; Thư ký..

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Thành Thía

Số : 02/BC-BKS

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG
HOẠT ĐỘNG NĂM 2021, ĐỊNH HƯỚNG GIAI ĐOẠN NĂM 2021-2026
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Kính gửi:

- ĐHĐCĐ Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
- Hội đồng quản trị công ty.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát công ty;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, Hội đồng quản trị công ty về kết quả hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021, định hướng giai đoạn năm 2021-2026 như sau:

I. Công tác hoạt động của ban kiểm soát đối với các hoạt động của công ty năm 2020:

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công việc điều hành.

- Thẩm định báo cáo tài chính đã **kiểm toán năm 2020**; đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, ... của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các tài khoản mục đầu tư của các dự án.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, ban kiểm soát đã tham họp tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quá trình quản trị, điều hành công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp, ban kiểm soát thông qua ý kiến đóng góp và khuyến nghị với những nội dung về công tác quản trị, công tác điều hành về mặt tài chính, phương hướng sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và mọi số công tác khác của công ty.

- Thành viên ban kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật để nâng cao nghiệp vụ, nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các qui định của Nhà nước.

- Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác trong công ty để ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của quản trị và điều hành của công ty.

II. Thù lao, chi phí hoạt động của thành viên ban kiểm soát:

1. Chi phí hoạt động: trong năm các kiểm soát không sử dụng chi phí của công ty cho hoạt động của mình.

2. Thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách 02 người: 72 triệu đồng. Đối với Trưởng ban kiểm soát không nhận thù lao, chỉ nhận lương cho hoạt động chuyên trách của Trưởng ban kiểm soát.

III. Các cuộc họp của ban kiểm soát và kiến nghị của ban kiểm soát:

Trong năm ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp. Nội dung trao đổi về công tác chuyên môn liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty. Cụ thể như sau:

- Trong quý 1/2020: Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp với nội dung là họp bàn bạc về thanh lý hợp đồng xử lý rác giữa công ty với Nhà máy xử lý rác Phương Thảo.

- Trong quý 2/2020: Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp với nội dung là họp bàn bạc về đề nghị HĐQT kiến nghị UBND tỉnh sớm ban hành bộ đơn giá chuyên ngành đô thị tỉnh Vĩnh Long

- Trong quý 3/2020: Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp với nội dung là họp bàn bạc về việc thực hiện hợp đồng xử lý nước rỉ rác đối với Công ty TNHH MTV ĐTXD và KTMT Trí Lâm.

- Trong quý 4/2020: Ban kiểm soát tiến hành cuộc họp với nội dung là họp bàn bạc về việc tình hình thực hiện đơn giá thu gom vận chuyển rác thải năm 2020.

* Các kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát (xem phần VIII)

IV. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty:

1. Về giám sát báo cáo về các chế độ chính sách lao động, tiền lương, tiền thưởng của người quản lý và người lao động:

- Công ty đã thực hiện 100% giao kết ký hợp đồng lao động xác định thời hạn bằng văn bản với người lao động, đồng thời đăng ký tham gia các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Trong năm 2020, công ty thực hiện chi lương, thưởng cho người lao động và người quản lý theo đúng các quy chế trả lương, thưởng của công ty.

- Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý theo đúng với Nghị định số 53/2016/NĐ-CP, ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

2. Về giám sát báo cáo tài chính năm 2020:

*** Cơ sở giám sát:**

- Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)
- Các tài liệu kế toán khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

*** Tiêu chí đã thực hiện:**

Thực hiện giám sát báo cáo tài chính năm 2020 của công ty, các kiểm soát viên đã tiến hành:

- Rà soát việc trình bày của báo cáo tài chính của công ty bảo đảm phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam(VAS) do Bộ Tài chính ban hành.

- Đánh giá việc lựa chọn các chính sách kế toán chủ yếu và tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán.

- Xem xét việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam của công ty và các sai lệch trọng yếu so với chuẩn mực đã được trình bày và giải thích rõ ràng trên báo cáo tài chính.

- Đánh giá tính hợp lý và thận trọng của các đánh giá, các ước tính của công ty trong trình bày báo cáo tài chính (các ước tính này ảnh hưởng đến việc tính toán và ghi nhận các khoản chi phí, doanh thu và thu nhập trong kỳ).

- Rà soát đối chiếu số liệu tổng hợp được trình trên báo cáo tài chính với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết.

*** Kết quả giám sát báo cáo tài chính công ty:**

Trên cơ sở các tiêu chí đã thực hiện, ban kiểm soát xin báo cáo kết quả giám sát báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2020 như sau:

- Về các cơ sở pháp lý của báo cáo tài chính:

+ Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm 2020 của công ty là phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

+ Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Các chính sách và phương pháp kế toán được công ty áp dụng nhất quán.
 + Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN), Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DN) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN) được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN). Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên báo cáo tài chính, cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.

+ Rà soát các số liệu cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định, các kiểm soát viên chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các số liệu ghi nhận khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng tại thời điểm ghi nhận số liệu.

- **Các chỉ tiêu tổng hợp của báo cáo tài chính năm 2020:**

* **Một số chỉ tiêu chính về tài sản và nguồn vốn:**

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020
1	Tổng tài sản	Triệu đồng	68.430
a	Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	58.892
b	Tài sản dài hạn	Triệu đồng	9.538
2	Tổng nguồn vốn	Tỷ đồng	68.430
a	Nợ phải trả	Triệu đồng	15.783
b	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	52.647

- Nguồn: BCTC năm 2020 đã kiểm toán.

3. Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp:

Ban điều hành công ty thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. cụ thể:

- Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020:

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	(%)
1	Vốn Điều lệ	35.362	35.362	100
2	Tổng doanh thu	77.000	80.217	104
3	Lợi nhuận trước thuế	10.000	12.273	123
4	Lợi nhuận sau thuế	8.800	10.781	123
5	Cổ tức (%) dự kiến	7%	8%	114

* **Ghi chú:**

- Nguồn: BCTC năm 2020 đã kiểm toán.

- Cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

* **Phân tích một số chỉ tiêu tài chính:**

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ so với năm trước tăng 3,74% (79.173 triệu đồng/76.322 triệu đồng).

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế so với năm trước tăng 10,06% (12.273 triệu đồng/11.151 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu là 13,4% (10.781 triệu đồng/80.217 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản là 15,8% (10.781 triệu đồng/68.430 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 20,5% (10.781 triệu đồng/52.647 triệu đồng).

+ Khả năng thanh toán:

▪ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả) là 4,34 lần (68.430 triệu đồng/15.782 triệu đồng).

▪ Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn) là 3,73 lần (58.891 triệu đồng/15.782 triệu đồng).

▪ Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 3,79 lần (Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn là (59.891 triệu đồng – 15,079 triệu đồng)/15.782 triệu đồng).

+ Hệ số bảo toàn vốn (Vốn chủ sở hữu cuối kỳ/vốn chủ sở hữu đầu kỳ) (52.647 triệu đồng/48.908 triệu đồng): 1,08

- Tình hình tài chính, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách tiền và tài sản nhà nước:

+ Tính hiệu quả: Qua số liệu trên cho thấy doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm trước; các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều đảm bảo, giá trị tổng tài sản đủ thanh toán các khoản nợ phải trả; khả năng sinh lời trên vốn cao và được bảo toàn vốn. Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2020 và hoạt động có hiệu quả.

+ Tính hiệu lực: xét về cơ bản công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chấp hành pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện chế độ báo cáo kế toán, thống kê theo đúng quy định.

- Kết quả thực hiện các công trình xây dựng cơ bản:

+ Thi công bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3: Năm 2020, tiếp tục triển khai xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3 tại bãi rác Hòa Phú, Long Hồ và hoàn thành đưa vào sử dụng với giá trị quyết toán: 48,978 tỷ đồng, bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Việc quản lý dự án được thuê đơn vị tư vấn thực hiện theo đúng quy định trong lĩnh vực xây dựng cơ bản do công ty làm chủ đầu tư.

+ Đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán công trình vận hành tốt hệ thống vận hành xử lý nước rỉ rác với giá trị: **10,3** tỷ đồng, hàng tháng có các đơn vị, cơ quan chuyên môn của nhà nước giám sát chặt chẽ.

V. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa công ty, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là người quản lý của doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: không có giao dịch.

VI. Báo cáo kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc:

- Qua quá trình giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong công tác quản trị và điều hành của Giám đốc của công ty trong năm 2020. Ban kiểm soát không thấy các vấn đề bất thường trong hoạt động quản trị và điều hành.

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động về công tác quản trị và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2020.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nhân danh công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và sự quản lý điều hành của Giám đốc công ty đã thể hiện sự cẩn trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả đã đưa công ty phát triển đúng hướng trong mục tiêu phát triển chung, luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật nhà nước như Luật doanh nghiệp và tuân thủ đúng Điều lệ công ty.

- Thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2020 theo đúng với kế hoạch mà Nghị quyết Hội đồng quản trị đưa ra.

- Việc chi trả lương cho người quản lý công ty chuyên trách và người lao động, thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký theo đúng định của Quy chế trả lương của công ty và theo đúng văn bản vi phạm pháp luật (Nghị định số 53/2016/NĐ-CP, ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội).

- Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất.

- Lãnh đạo công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn:

+ Công ty thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính theo đúng các quy định của pháp luật.

+ Công ty mua bảo hiểm tài sản theo đúng các quy định của pháp luật.

+ Công ty không để tồn thất tài sản, không có các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

- Giám đốc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng, các chế độ chính sách và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt.

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Hiện cổ phiếu VLP đang giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và thực hiện xong quy trình thoái vốn vào tháng 11 năm 2020 theo chủ trương của UBND tỉnh và chỉ đạo của Ban chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại công ty.

VII. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông:

Các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tình thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty.

VIII. Đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2020 và giai đoạn nhiệm kỳ năm 2021-2016:

1. Ông Phạm Công Hiền – Trưởng ban kiểm soát (hoạt động chuyên trách):

a. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo nghị quyết, quyết định, quy chế của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021

b. Giám sát hoạt động tài chính, thẩm định báo cáo tài chính của công ty và kết quả trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2020 và giai đoạn 2016-2021 của công ty.

c. Kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng phương án lương năm 2020 và giai đoạn 2016-2021 của công ty theo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d. Kiểm soát hiệu quả việc thực hiện các thủ tục, quy trình các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư trong năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021.

e. Kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng và các giao dịch trong năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

f. Giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thanh toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị năm 2020 và giai đoạn 2016-2021 trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

g. Kiểm tra tính hợp lý các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán năm tài chính 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 của công ty tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

h. Kiểm tra việc công bố thông tin của công ty trong năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

i. Thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của ban kiểm soát quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của công ty và các văn bản khác theo quy định của pháp luật.

2. Ông Lương Minh Triết – Thành viên Ban Kiểm soát (hoạt động không chuyên trách):

a. Kiểm soát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước của công ty đối với người lao động và các công việc có liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty trong năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021.

b. Kiểm soát việc tuân thủ quy định về công bố thông tin năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 của công ty theo quy định của pháp luật.

c. Kiểm tra tính hợp lý các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 của công ty tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

d. Kiểm tra các công việc khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Ông Trương Tấn Đạt – Thành viên Ban Kiểm soát (hoạt động không chuyên trách):

a. Kiểm tra việc thanh quyết toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị hàng tháng, quý, năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 của công ty trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

b. Kiểm tra tính hợp lý các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 của công ty tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

c. Kiểm tra các công việc khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Giám đốc cùng các thành viên ban điều hành, các phòng nghiệp vụ và toàn thể người lao động của công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long. Ban kiểm soát tự nhận xét là các thành viên của Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2020 cũng như nhiệm kỳ năm 2016-2021, theo đúng kế hoạch chương trình công tác năm 2020 và giai đoạn năm 2016-2021 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của công ty và được Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm giao.

IX. Kiến nghị các giải pháp quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty và những vướng mắc, khó khăn của công ty:

1. Ban kiểm soát kính đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty sớm hoàn thiện các thủ tục cần thiết thực hiện thanh lý theo nội dung hợp đồng xử lý rác thải bằng công nghệ cao mà hai bên đã ký kết với Công ty cổ phần Phương Thảo. Trường hợp khó khăn vướng mắc kính đề nghị người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo cơ quan đại diện phần vốn nhà nước xin ý kiến theo quy định.

2. Công ty sớm xây dựng đề án tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức công ty, xây dựng trả lương theo vị trí việc làm cho các bộ phận trực thuộc công ty, quan tâm hơn nữa chi phí sản xuất kinh doanh của công ty (chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí xăng dầu, sửa chữa xe chuyên dùng...). Qua đó, giúp bộ máy công ty gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả hơn, góp phần làm tăng năng suất lao động và tăng lợi nhuận của công ty.

3. Ban kiểm soát kính đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc sớm báo cáo và kiến nghị các sở ngành chuyên môn tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ đơn giá chuyên ngành đô thị tỉnh Vĩnh Long để công ty có cơ sở áp dụng xây dựng đơn giá dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

4. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị báo cáo UBND tỉnh việc thực hiện hợp đồng xử lý nước rỉ rác đối với Công ty TNHH MTV ĐTXD và KTMT Trí Lâm (đề nghị xem lại hình thức tiếp tục đặt hàng hay tổ chức đấu thầu theo quy định).

5. Ban kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện đơn giá thu gom vận chuyển rác thải năm 2020 (theo đúng quy định đơn giá thu gom vận chuyển rác ở cự ly 35km từ nội ô thành phố Vĩnh Long đến bãi rác Hòa Phú huyện Long Hồ và trở về, nhưng năm 2020 Phòng Quản lý đô thị chỉ ký hợp đồng đặt hàng với công ty đơn giá thu gom và vận chuyển rác thải ở cự ly 20km, như vậy chênh lệch cự ly 15km).

X. Kế hoạch, chương trình công tác năm 2021 và định hướng giai đoạn năm 2021-2026 của ban kiểm soát:

Kế hoạch chương trình công tác năm 2021 và định hướng giai đoạn năm 2021-2026, Ban kiểm soát tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành. Cụ thể:

1. Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, kế hoạch, đầu tư của công ty.
2. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.
3. Khuyến nghị Hội đồng quản trị về các biện pháp tối ưu hóa chi phí sản xuất kinh doanh để mang lại lợi nhuận cho công ty và duy trì ổn định cổ tức cho cổ đông.
4. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng giai đoạn năm 2021-2026 của ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, kính trình Hội đồng quản trị công ty, Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Xin trân trọng kính chào!.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT;BKS;
- BDH;
- Lưu KSV;TK công ty.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Phạm Công Hiến

Số: 01 /TTr-HĐQT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

(Tài liệu kèm theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký cty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 27

91
ĐNG
KIẾ
A 1
-CH
-HC
-HI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 ngày 07/7/2017 là 35.362.220.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là VLP.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên
Ban kiểm soát	Ông Phạm Công Hiến	Trưởng ban
	Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên
	Ông Lương Minh Triết	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 19/11/2020)
	Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc,



Ngô Thành Thía

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Số: 102/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020
của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long, được lập ngày 25/3/2021, từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 07/3/2020 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



Lưu Minh Tới**Phó Giám đốc phụ trách**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

*Giấy Ủy quyền số 06/2021/UQCN - CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
Thay mặt và đại diện***CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH****Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT***TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021*

Nguyễn Khánh Minh**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4484-2018-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		58.891.664.035	50.875.963.772
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	32.150.956.201	9.216.857.847
1. Tiền	111		17.150.956.201	9.216.857.847
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	-
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.656.572.277	40.668.412.067
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	24.897.640.479	39.280.325.960
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	969.153.950	794.853.150
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	789.777.848	593.232.957
IV- Hàng tồn kho	140	5.5	15.079.759	195.062.999
1. Hàng tồn kho	141		15.079.759	195.062.999
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		69.055.798	795.630.859
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.6	69.055.798	70.320.381
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	-	725.310.478
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		9.538.100.419	10.932.409.952
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		5.904.944.154	7.796.509.353
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	5.904.944.154	7.796.509.353
- Nguyên giá	222		27.421.117.734	27.373.712.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.516.173.580)	(19.577.202.874)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.045.909.090	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	1.045.909.090	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		2.587.247.175	3.135.900.599
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.6	2.587.247.175	3.135.900.599
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		68.429.764.454	61.808.373.724

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		15.782.482.238	12.900.038.578
I- Nợ ngắn hạn	310		15.782.482.238	12.900.038.578
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	142.660.000	92.901.164
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.171.169.730	1.416.018.252
3. Phải trả người lao động	314		6.622.928.451	4.971.329.930
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	-	560.550.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	2.875.278.451	3.109.483.539
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.970.445.606	2.749.755.693
II- Nợ dài hạn	330		-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		52.647.282.216	48.908.335.146
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.13	52.623.550.216	49.113.022.133
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		35.362.220.000	35.362.220.000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		35.362.220.000	35.362.220.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.952.205.303	4.948.866.155
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.309.124.913	8.801.935.978
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		528.562.861	490.805.484
- LNST chưa phân phối kì này	421b		8.780.562.052	8.311.130.494
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		23.732.000	(204.686.987)
1. Nguồn kinh phí	431		23.732.000	(204.686.987)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		68.429.764.454	61.808.373.724

Người lập

Trần Thị Kim Dung

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Dung

Vinh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Ngô Thành Thía

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	86.288.896.361	79.181.401.572
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.14	7.115.446.630	2.859.331.901
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	79.173.449.731	76.322.069.671
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	53.012.871.655	52.068.714.956
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		26.160.578.076	24.253.354.715
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	77.609.038	22.575.315
7. Chi phí tài chính	22	5.17	4.227.173	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.18	14.669.828.506	13.329.978.815
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		11.564.131.435	10.945.951.215
11. Thu nhập khác	31	5.19	966.129.573	397.656.320
12. Chi phí khác	32	5.19	257.325.380	192.680.228
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		708.804.193	204.976.092
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.272.935.628	11.150.927.307
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	1.492.373.576	1.139.796.813
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.780.562.052	10.011.130.494
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	1.787	1.660

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	95.889.743.441	87.808.014.801
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(53.589.187.199)	(86.853.608.759)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(39.301.699.992)	(35.284.096.393)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(4.227.173)	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(32.978.354)	(705.625.414)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	34.513.234.809	52.539.690.710
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(11.688.639.594)	(14.267.483.653)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	25.786.245.938	3.236.891.292
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(66.821.871)	(909.090.909)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.115.887	22.575.315
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(49.705.984)	(886.515.594)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.802.441.600)	(2.802.441.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(2.802.441.600)	(2.802.441.600)
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	50	22.934.098.354	(452.065.902)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.216.857.847	9.668.923.749
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	32.150.956.201	9.216.857.847

Vinh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vinh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vinh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22/7/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07/7/2017.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 3 là 35.362.220.000 đồng (*Số tiền bằng chữ: Ba mươi lăm tỷ ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt là: VIPUCO.

Trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Cổ phiếu Công ty được giao dịch trên hệ thống giao dịch UpCom với mã chứng khoán là **VLP**.

Số lao động bình quân năm 2020 của Công ty là: 265 người (Năm 2019 là: 264 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo qui hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, công, ...);
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghỉ địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm là: thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1. Xí nghiệp Công viên Cây xanh	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Dịch vụ chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, thâm cò, hoa kiểng trong công viên, khuôn viên và ngoài công cộng
2. Xí nghiệp Vệ sinh môi trường	Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long	Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Thời gian khấu hao</u> (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một năm.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế 4 năm tính từ năm 2017 và giảm 50% thuế TNDN cho 5 năm tiếp theo đối với thu nhập dịch vụ môi trường. Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số đã trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	367.222.195	364.793.614
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.783.734.006	8.852.064.233
Các khoản tương đương tiền (*)	15.000.000.000	-
Tổng	32.150.956.201	9.216.857.847

(*) Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 3,2%/năm.

5.2 Các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long	18.267.008.192	31.243.316.931
Các khách hàng khác	6.630.632.287	8.037.009.029
Tổng	24.897.640.479	39.280.325.960
Phải thu khách hàng là bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh số 6.1)	18.267.008.192	31.243.316.931

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Hộ kinh doanh Quang (XDCB)	458.756.000	397.461.000
Công ty Cổ phần TV XD và TM Tín Đức	-	136.125.000
Các nhà cung cấp khác	510.397.950	261.267.150
Tổng	969.153.950	794.853.150

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.4 Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
Phải thu người lao động (thuế TNCN)	50.342.309	-	40.000.000	-
Chi phí thoái vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp	524.440.000	-	210.000.000	-
Tạm ứng	73.516.342	-	37.732.953	-
Phải thu về chi hộ	-	-	185.356.919	-
Bảo hành công trình	78.825.000	-	106.528.700	-
Phải thu KPCD, BHXH, BHTN	2.161.046	-	612.738	-
Các khoản khác	60.493.151	-	13.001.647	-
Tổng	789.777.848	-	593.232.957	-

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.079.759	-	41.924.499	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	153.138.500	-
Tổng	15.079.759	-	195.062.999	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.9 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Cơ sở hoa kiếng Yên Vy	31.000.000	31.000.000	30.000.000	30.000.000
Phan Thanh Hương	110.400.000	110.400.000	-	-
Các đối tượng khác	1.260.000	1.260.000	62.901.164	62.901.164
Tổng	142.660.000	142.660.000	92.901.164	92.901.164

5.10 Thuế và các khoản phải trả/phải thu Nhà nước

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2020 (VND)
Phải nộp	1.416.018.252	6.243.488.485	5.488.337.007	2.171.169.730
Thuế giá trị gia tăng	1.405.118.252	4.379.143.722	4.375.126.856	1.409.135.118
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	773.770.657	32.978.354	740.792.303
Thuế thu nhập cá nhân	10.900.000	217.968.169	207.625.860	21.242.309
Thuế đất phi nông nghiệp, tiền thuê đất	-	869.605.937	869.605.937	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Phải thu	725.310.478	725.310.478	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	725.310.478	725.310.478	-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.6 Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	69.055.798	70.320.381
Chi phí bảo hiểm	69.055.798	70.320.381
b) Dài hạn	2.587.247.175	3.135.900.599
Giá trị lợi thế kinh doanh	2.515.184.668	2.952.608.092
Chi phí sửa chữa	72.062.507	183.292.507
Tổng	2.656.302.973	3.206.220.980

5.7 Tài sản cố định hữu hình

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	Nhà cửa vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Tổng
NGUYỄN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	3.123.268.664	24.250.443.563	27.373.712.227
Tăng trong năm	47.405.507	-	47.405.507
XDCB hoàn thành trong năm	47.405.507	-	47.405.507
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	3.170.674.171	24.250.443.563	27.421.117.734
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2020	2.718.544.220	16.858.658.654	19.577.202.874
Tăng trong năm	131.624.501	1.807.346.205	1.938.970.706
Khấu hao trong năm	131.624.501	1.807.346.205	1.938.970.706
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	2.850.168.721	18.666.004.859	21.516.173.580
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	404.724.444	7.391.784.909	7.796.509.353
Tại ngày 31/12/2020	320.505.450	5.584.438.704	5.904.944.154

Nguyên giá của tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31/12/2020 là 8.684.108.532 đồng (tại ngày 31/12/2019: 8.004.191.932 đồng).

5.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí mua Xe Fortuner 7 chỗ	1.027.272.727	-
Chi phí thẩm định mua xe bồn	18.636.363	-
Tổng	1.045.909.090	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trích trước chi phí của công trình Thay mới chữ công chào xã Tân Ngãi, Công viên tượng đài chiến thắng Mậu Thân	-	106.800.000
Trích trước chi phí trang trí đường hoa tết	-	453.750.000
Tổng	-	560.550.000

5.12 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Xí nghiệp Công Viên Cây Xanh	1.155.444.196	752.663.544
Xí nghiệp Vệ Sinh Môi Trường	1.514.939.520	2.116.365.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	204.894.735	240.454.995
Tổng	2.875.278.451	3.109.483.539

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	35.362.220.000	3.225.928.399	7.283.875.540	45.872.023.939
Tăng trong năm	-	1.722.937.756	10.011.130.494	11.734.068.250
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	10.011.130.494	10.011.130.494
Phân phối lợi nhuận	-	1.722.937.756	-	1.722.937.756
Giảm trong năm	-	-	-	-
Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2018	-	-	8.493.070.056	8.493.070.056
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	2.828.977.600	2.828.977.600
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	3.222.937.756	3.222.937.756
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	-	-	491.842.200	491.842.200
Tạm trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019	-	-	249.312.500	249.312.500
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành năm 2019	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	35.362.220.000	4.948.866.155	8.801.935.978	49.113.022.133
Số dư tại ngày 01/01/2020	35.362.220.000	4.948.866.155	8.801.935.978	49.113.022.133
Tăng trong năm	-	3.003.339.148	10.780.562.052	13.783.901.200
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	10.780.562.052	10.780.562.052
Phân phối lợi nhuận	-	3.003.339.148	-	3.003.339.148
Giảm trong năm	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2019 (*)	-	-	10.273.373.117	10.273.373.117
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	2.828.977.600	2.828.977.600
Trích quỹ khen thưởng ban điều hành (*)	-	-	2.304.096.375	2.304.096.375
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	136.959.994	136.959.994
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 (**)	-	-	3.003.339.148	3.003.339.148
Số dư tại ngày 31/12/2020	35.362.220.000	7.952.205.303	9.309.124.913	52.623.550.216

(*) Công ty phân phối lợi nhuận căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020, theo đó, Công ty chia cổ tức 8% vốn điều lệ, trích quỹ đầu tư phát triển 30% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019, trích quỹ khen thưởng người quản lý bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện.

(**) Công ty tạm trích quỹ khen thưởng Ban Điều hành và người lao động theo nghị quyết số 12/NQ-HĐQT ngày 14/12/2020 của Hội đồng Quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.13 **Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

b. Chi tiết vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ	Số CP	Giá trị cổ phần tính theo mệnh giá (VND)
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long	81,24%	2.872.822	28.728.220.000	81,24%	2.872.822	28.728.220.000
Vốn của cổ đồng khác	18,76%	663.400	6.634.000.000	18,76%	663.400	6.634.000.000
Tổng	100,00%	3.536.222	35.362.220.000	100,00%	3.536.222	35.362.220.000

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	35.362.220.000	35.362.220.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	35.362.220.000	35.362.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã phân phối	2.828.977.600	2.828.977.600

d. Cổ phiếu

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.536.222	3.536.222
Cổ phiếu phổ thông	3.536.222	3.536.222
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: (VND / Cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ Công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	7.952.205.303	4.948.866.155
Tổng	7.952.205.303	4.948.866.155

5.14 **Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	86.288.896.361	79.181.401.572
Tổng	86.288.896.361	79.181.401.572
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.115.446.630	2.859.331.901
- Giảm giá dịch vụ cung cấp	7.115.446.630	2.859.331.901
Doanh thu thuần	79.173.449.731	76.322.069.671

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	53.012.871.655	52.068.714.956
Tổng	53.012.871.655	52.068.714.956

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	77.609.038	22.575.315
Tổng	77.609.038	22.575.315

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí tài chính khác	4.227.173	-
Tổng	4.227.173	-

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.800.809.441	9.735.623.602
Chi phí đồ dùng văn phòng	118.511.434	139.939.432
Chi phí khấu hao TSCĐ	194.749.137	243.463.392
Thuế phí và lệ phí	872.605.937	234.502.218
Chi phí dịch vụ mua ngoài	338.317.833	-
Chi phí quản lý khác	4.344.834.724	2.976.450.171
Tổng	14.669.828.506	13.329.978.815

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.19 Thu nhập khác, Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu tiền di dời cây xanh	33.207.272	88.275.663
Thu khắc phục tai nạn giao thông	7.945.455	106.618.636
Thu tiền bán phế liệu	62.431.713	83.556.364
Tiền bồi thường	656.989.188	-
Các khoản khác	205.555.945	119.205.657
Tổng	966.129.573	397.656.320
<i>Chi phí khác</i>		
Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	92.395.124	11.143
Phạt vi phạm hành chính	52.295.564	6.000.000
Chi bồi thường khắc phục tai nạn giao thông	-	106.371.767
Chi phí khác	112.634.692	80.297.318
Tổng	257.325.380	192.680.228
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	708.804.193	204.976.092

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	12.272.935.628	11.150.927.307
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>197.428.235</i>	<i>653.027.673</i>
<i>Các khoản chi phí không được trừ</i>	<i>197.428.235</i>	<i>653.027.673</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>319.473.282</i>
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>319.473.282</i>
Thu nhập chịu thuế	12.470.363.863	11.484.481.698
Thu nhập được miễn thuế	1.810.552.605	5.997.693.813
Thu nhập tính thuế	10.659.811.258	5.486.787.885
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	2.131.962.252	1.097.357.577
Điều chỉnh giảm 30% thuế TNDN phải nộp năm 2020 theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 của Chính phủ	639.588.676	-
Thuế TNDN hiện hành	1.492.373.576	1.097.357.577
Điều chỉnh thuế TNDN phải nộp các năm trước	6.707.559	42.439.236
Tổng thuế TNDN phải nộp	1.499.081.135	1.139.796.813

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

5.21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.780.562.052	10.011.130.494
Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý (*)	(4.459.918.521)	(4.141.056.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	6.320.643.531	5.870.074.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu) (**)	1.787	1.660

(*) Theo Nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/6/2020, Công ty trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 với tỷ lệ 38% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019 và quỹ thưởng người quản lý là 3,37% trên lợi nhuận sau thuế năm 2019. Theo đó, ước tính số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2020 là 4.096.613.580 đồng và quỹ thưởng người quản lý là 363.304.941 đồng, số tiền này có thể thay đổi sau khi được Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 thông qua.

(**) Công ty xác định lại số trích quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 theo tỷ lệ phân phối lợi nhuận năm 2019 của Công ty đã được phê duyệt tại Nghị quyết đại hội đồng cổ đông trong năm 2020. Theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được trình bày lại như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.011.130.494	10.011.130.494
Quỹ khen thưởng phúc lợi người lao động và quỹ thưởng người quản lý	(1.700.000.000)	(4.141.056.369)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	8.311.130.494	5.870.074.125
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	3.536.222	3.536.222
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	2.350	1.660

5.21 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.497.124.489	9.180.728.186
Chi phí nhân công	43.626.833.942	44.194.764.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.938.970.706	2.987.315.693
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.700.516.732	3.124.870.113
Chi phí khác	8.609.397.514	5.895.254.819
Tổng	66.372.843.383	65.382.933.771

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty

Bên liên quan	Chức vụ	Tính chất giao dịch	Năm 2020		Năm 2019	
			VND	VND (Trình bày lại)	VND	VND (Trình bày lại)
Hội đồng Quản trị						
Ông Đào Thanh Liêm	Chủ tịch (Miễn nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	1.564.845.563	2.196.689.573	574.366.360	574.366.360
Ông Ngô Thành Thía	Chủ tịch (Bổ nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	449.150.142	517.434.847	402.530.513	402.530.513
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	44.355.513	316.648.400	385.709.453	385.709.453
Bà Nguyễn Thị Quý	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	380.821.728	438.523.378	402.523.378	402.523.378
Ông Nguyễn Văn Thuận	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	302.970.221	36.000.000	-	-
Ban kiểm soát						
Ông Phạm Công Hiền	Trưởng ban	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	585.660.991	1.212.537.804	1.305.674.813	1.305.674.813
Ông Trương Tấn Đạt	Thành viên	Thu nhập từ lương và lợi ích khác	379.821.728	444.168.117	517.434.847	517.434.847
Ông Lương Minh Triết	Thành viên	Thu nhập từ thù lao và lợi ích khác	169.839.263	38.100.751	385.709.453	385.709.453
Ban Giám đốc						
Ông Ngô Thành Thía	Giám đốc (Miễn nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	36.000.000	349.447.208	402.530.513	402.530.513
Ông Nguyễn Văn Thuận	Giám đốc (Bổ nhiệm 19/11/2020)	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	1.212.537.804	355.864.948	372.916.141	372.916.141
Ông Nguyễn Văn Thuận	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	444.168.117	355.864.948	372.916.141	372.916.141
Bà Lê Thị Thanh Nhân	Phó Giám đốc	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	38.100.751	372.916.141	372.916.141	372.916.141
Kế toán trưởng						
Bà Trần Thị Kim Dung	Kế toán trưởng	Thu nhập từ lương, thù lao và lợi ích khác	355.864.948	3.718.909.306	4.313.803.905	4.313.803.905
Tổng			3.718.909.306	4.313.803.905		

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch mua bán với bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tính chất</u>	<u>Năm 2020</u> VND	<u>Năm 2019</u> VND
<u>Giao dịch bán</u>				
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	Cùng chủ sở hữu	Cung cấp dịch vụ	64.745.613.279	62.689.641.866
Tổng			64.745.613.279	62.689.641.866

Số dư với các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Khoản mục số dư</u>	<u>31/12/2020</u> VND	<u>01/01/2020</u> VND
Phòng quản lý đô thị TP. Vinh Long	Cùng chủ sở hữu	Phải thu khách hàng	18.267.008.192	31.243.316.931
Tổng			18.267.008.192	31.243.316.931



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

6.2 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 3 năm 2021

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Trần Thị Kim Dung

Trần Thị Kim Dung

Ngô Thành Thía

Số: 02/TTr-HĐQT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2020 như sau:

1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2019: 528.562.861 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 10.780.562.052 đồng.

2. Trích quỹ đầu tư phát triển:

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: $10.780.562.052 \text{ đồng} \times 30\% = 3.234.168.616 \text{ đồng}$.

3. Trả cổ tức:

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trả cổ tức là 7%/vốn điều lệ.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm là trả cổ tức 8%/vốn điều lệ, cụ thể: $35.362.220.000 \text{ đồng} \times 8\% = 2.828.977.600 \text{ đồng}$.
- Nguồn chi trả cổ tức 2020 là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020, cụ thể:
 - + Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2019: 528.562.861 đồng
 - + Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2020: 2.300.414.739 đồng.
- Hình thức chi trả: tiền mặt hoặc chuyển khoản

-Thời điểm chi trả là 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.

4. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:

- Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ trích 30% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động.

- HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ trích tỷ lệ 39,2%, bằng 1,6 tháng lương tiền bình quân thực hiện của người lao động là 4.230.396.659 đồng.

5. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty:

- Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ trích 5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người quản lý.

- HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ tỷ lệ trích 3% (bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý) là 324.925.709 đồng.

6. Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối:

- Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2020: 690.656.329 đồng chuyển sang năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Thành Thía

Số: 03/TTr-HDQT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 04/NQ-HDQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021, như sau:

*** Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích dự kiến	Năm 2021
1	Vốn điều lệ		35.362
2	Doanh thu		75.000
3	Lợi nhuận trước thuế		7.500
4	Lợi nhuận sau thuế		6.300
5	Nộp ngân sách		6.000
6	Trích Quỹ đầu tư phát triển	25%	1.575
7	Cổ tức dự kiến (%) / vốn điều lệ	7%	2.475
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Đảm bảo không vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của NLĐ và tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh)	25%	1.575
9	Quỹ thưởng người quản lý (Dự kiến 5%, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn 5% nhưng đảm bảo không vượt quá 1,5 tháng tiền lương bình quân của người quản lý.	5%	315
10	Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm trước		690

TT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích dự kiến	Năm 2021
11	Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm nay	5,7%	360
12	Thu nhập bình quân (Tr.đồng/người/tháng)		7,8

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Ngô Thành Thía

Số: 04/TTr-HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua việc lựa chọn
đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Địa chỉ: 137, Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.

Tel: (0292) 3765999

2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội..

Tel: (84-24) 37832121; Fax: (84-24) 37832122

(Chi nhánh, số 201-203 đường Cách mạng Tháng tám, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Địa chỉ: Văn Phòng Chính, Tầng 2, Tòa nhà Indochina; Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Phường. Đakao, Quận 1, Hồ Chí Minh

Tel: +84-(08)-2220 0237, Fax: +84-(08)- 2220 0265

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký công ty.



Ngô Thành Thía

Số: 05/TTr-HĐQT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty năm 2021 như sau:

1. Thành viên HĐQT không chuyên trách (nếu có): 3.000.000đồng/người/tháng.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000đồng/người/tháng.
3. Người phụ trách quản trị kiêm Thư ký công ty : 3.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT; BKS;
- BĐH;
- Lưu VT, Thư ký cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Thành Thía

Số: 06 /TTr-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua bổ sung Điều lệ
Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua bổ sung một số điều của Điều lệ Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, như sau:

Bổ sung Điều 6. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Mã ngành : 0118 : Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa
Chi tiết : 01183: Trồng hoa hàng năm
- Mã ngành : 0129 : Trồng cây lâu năm khác
Chi tiết : 01291: Trồng cây cảnh lâu năm
- Mã ngành : 0132 : Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm.
- Mã ngành : 2012 : Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ.
- Mã ngành : 3700 : Thoát nước và xử lý nước thải.
- Mã ngành : 3830 : Tái chế phế liệu
- Mã ngành : 4620 : Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống
Chi tiết : 46201: Bán buôn hoa và cây.
- Mã ngành : 8120: Dịch vụ vệ sinh
Chi tiết : 81210: Vệ sinh chung nhà cửa
Chi tiết : 81290: Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban GD;
- BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Thành Thía

Số: 07/TTr-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Điều lệ công ty sửa đổi lần 3

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Điều lệ sửa đổi lần 3 của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

(Điều lệ sửa đổi kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban GD;
- BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT



Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (02703) 822729 Fax: (02703) 831283

Website: <http://www.vipuco.vn>



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG
TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG



THÁNG 6 NĂM 2021

MỤC LỤC



I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CTY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	4
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	4
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	4
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	5
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	5
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	5
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	6
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	6
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	6
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	6
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	6
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	8
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 17. Thay đổi các quyền	12
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14

Điều 20. Thê thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	16
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	19
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	19
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	20
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..	21
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	22
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	23
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	24
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	24
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	25
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	25
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	25
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)	25
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	26
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên).....	26
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	26
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát.....	27
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	27
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	28
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	28
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	28
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	29

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	30
XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	30
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	30
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	31
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	31
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	31
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	31
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	31
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	31
Điều 48. Năm tài chính.....	32
Điều 49. Chế độ kế toán.....	32
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	32
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	32
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	32
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	32
Điều 52. Kiểm toán.....	32
XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	33
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	33
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	33
Điều 54. Giải thể công ty.....	33
Điều 55. Gia hạn hoạt động.....	33
Điều 56. Thanh lý.....	33
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	34
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	34
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	34
Điều 58. Điều lệ công ty.....	34
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	34
Điều 59. Ngày hiệu lực:.....	35

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐHĐCĐ-CTCC, ngày 29 tháng 6 năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó tổng giám đốc), Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
 - m) *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng

khoán;

n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VINH LONG PUBLIC WORKS JOINT STOCK COMPANY.**

- Tên Công ty viết tắt: **VIPUCO**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Điện thoại : (84-0270)3822729

- Fax : (84-0270)3831283

- E-mail : ctccvl@gmail.com

- Website : vipuco.vn hoặc vipuco.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều 55 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn kể từ ngày thành lập.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Thu gom rác thải không độc hại; Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp.	3811
2	Thu gom rác thải độc hại; Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế.	3812
3	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại; Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp	3821
4	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại; Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế	3822
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành	4669
6	Xây dựng nhà các loại; Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng	4100
7	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo quy hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,...)	4210
8	Xây dựng công trình công ích; Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghỉ địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện	4220
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi	4290
10	Chuẩn bị mặt bằng; Chi tiết: San lấp mặt bằng	4312
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ	4933
12	Dịch vụ chăm sóc duy trì cảnh quan Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát(công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích...)	8130
13	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa Chi tiết: Trồng hoa hàng năm	0118
14	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm	0129
15	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm.	0132
16	Sản xuất phân bón và hợp chất nito	2012

Stt	Tên ngành	Mã ngành
17	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
18	Tái chế phế liệu	3830
19	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây	4620
20	Dịch vụ vệ sinh Chi tiết: Vệ sinh chung nhà cửa; Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt.	8120

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Huy động và sử dụng đồng vốn có hiệu quả nhất, không ngừng phát triển các nguồn lực, cải tiến chất lượng, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thỏa mãn nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc, tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, ổn định cuộc sống cho người lao động, bảo đảm lợi ích hợp pháp cho cổ đông và làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 35.362.220.000 đồng (*Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu hai trăm hai mươi ngàn đồng chẵn*).

Trong đó:

- Tỷ lệ phần vốn Nhà nước là 81,24% vốn điều lệ, tương đương 28.728.220.000 đồng theo mệnh giá;

- Tỷ lệ phần vốn cổ đông khác: 18,76% vốn điều lệ, tương đương 6.634.000.000 đồng theo mệnh giá.

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 3.536.222 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập

(nếu có) theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Do công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp).
3. Giám đốc (Tổng giám đốc).

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp

quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội

đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc);
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy

quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi đề thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, **đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.** Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất **21 ngày** trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập

họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc

kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ

chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh

nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. **Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể như sau:**

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông:
 - + Nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Hội đồng quản trị.
 - + Nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Hội đồng quản trị.
 - + Nắm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Hội đồng quản trị.
 - + Nắm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Hội đồng quản trị.
 - + Nắm giữ từ 50% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng viên vào Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc

tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty đại chúng phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh

doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán

thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

VIII. GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc (Tổng giám đốc), các Phó Giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Giám đốc (Tổng giám đốc) và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Giám đốc (Tổng giám đốc) được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc (Tổng giám đốc) do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc (Tổng giám đốc)

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc (Tổng giám đốc).

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Giám đốc (Tổng giám đốc) không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc (Tổng giám đốc)

phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Giám đốc (Tổng giám đốc) có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc (Tổng giám đốc);

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc) mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Công ty hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp, Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại **khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này**.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC) VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của

mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) **Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) **Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản** được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc), người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) phải lập kế hoạch đề Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp

cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc) sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ công ty mà không có quyết định gia hạn;
 - b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 7 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý

thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;
- d) Các khoản nợ khác của Công ty;
- đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong **vòng 30 ngày** làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể **yêu cầu chỉ** định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng [06 tuần] từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực:

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 59 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long nhất trí thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2021 tại Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

Điều lệ này thay thế Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long thông qua ngày 06/9/2016 và Điều lệ sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017.

2. Điều lệ được lập thành 06 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật hoặc của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sáng lập của Công ty.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngô Thành Thía

Số : 08/TTr-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua Quy chế nội bộ về quản trị công ty sửa đổi lần 2 và giao cho HĐQT hoàn thiện, ký ban hành.

(Quy chế nội bộ về Quản trị công ty sửa đổi kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban GD;
- BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



(Handwritten signature in blue ink)

Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (02703) 822729

Website : <http://www.vipuco.vn>



QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY



THÁNG 6 NĂM 2021

MỤC LỤC

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:.....	1
I. Phạm vi điều chỉnh:	1
II. Đối tượng áp dụng:.....	1
Điều 2. Đại hội đồng cổ đông	1
I. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:.....	1
II. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:	2
1) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....	2
2) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp	3
3) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;	3
4) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;.....	4
5) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông(người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);.....	4
6) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;	5
7) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;	5
8) Điều kiện tiến hành;.....	5
9) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	6
10) Cách thức bỏ phiếu;.....	6
11) Cách thức kiểm phiếu;	7
12) Thông báo kết quả kiểm phiếu;	7
13) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;	7
14) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	8
15) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;.....	8
16) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	9
III. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:	9
1) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;.....	9
2) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	10
Điều 3. Hội đồng quản trị.....	11

II) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	12
1) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;.....	12
2) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;.....	12
3) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;.....	13
4) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;	14
5) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;	14
III) Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	15
IV) Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:	15
V) Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:.....	18
Điều 4. Ban Kiểm soát.....	18
I) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.	18
1) Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	18
2) Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	19
II) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật DN) bao gồm các nội dung chính sau đây:	20
1) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên BKS;.....	20
2) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;.....	20
3) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;.....	21
4) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;.....	21
5) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;	21
6) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS.....	21
7) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.	21
Điều 5. Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	21
I) Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc(Tổng Giám đốc);	21
1) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:	22
2) Trách nhiệm của Giám đốc:.....	22
II) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc).....	22
1) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc	22

2) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc);	22
3) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc); 22	
4) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc);.....	23
5) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc).	23
Điều 6. Các hoạt động khác.....	23
I) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc), gồm các nội dung chính sau đây:.....	23
1) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc); 23	
2) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát; 23	
3) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc (Tổng Giám đốc);	23
4) Các trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị; 23	
5) Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;.....	24
6) Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;	24
7) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.	24
II) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác;	24
1) Đánh giá hoạt động.....	24
2) Tiêu chí đánh giá hoạt động:	25
3) Khen thưởng và kỷ luật:	25
Điều 7. Hiệu lực thi hành	25

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/NQĐHĐCĐ-CTCC, ngày 29/6/2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long)

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐHĐCĐ-CTCC, ngày 29 tháng 6 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

I. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc); trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

II. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

I. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;

- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một tỷ lệ hoặc một giá trị khác;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

II. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

1) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

- Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

- Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- + Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- + Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- + Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- + Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- + Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- + Xác định thời gian và địa điểm họp;
- + Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật này;

h) Công việc khác phục vụ cuộc họp.

- Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

2) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn ngắn hơn.

b) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

3) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;

Ngày đăng ký cuối cùng là ngày xác định cổ đông được quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về lập danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tối thiểu là 20 ngày trước ngày đăng ký

cuối cùng.

Hội đồng quản trị gửi thông báo và tài liệu liên quan đến Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán thông báo về ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông có quyền dự họp ít nhất là 10 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng.

4) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

b) Thông báo mời họp được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của công ty; trường hợp công ty xét thấy cần thiết thì đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương theo quy định của Điều lệ công ty.

c) Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- Phiếu biểu quyết.

d) Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

5) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

a) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

c) Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

- Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc

họp, trừ trường họp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm e Khoản 7.

b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

7) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;

a) Cổ đông khi nhận được thư mời họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có quyền trực tiếp dự họp, hoặc ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm e, khoản 3 Điều này. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành.

b) Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông khi tham dự phiên họp Đại hội đồng cổ đông cần mang theo các giấy tờ sau:

- Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu.
- Giấy ủy quyền (trường họp được ủy quyền tham dự họp).

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông xuất trình các giấy tờ trên cho Ban kiểm tra tư cách cổ đông và nhận tài liệu họp, thẻ biểu quyết, mã đại biểu/mã cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử, trong đó:

- Thẻ biểu quyết có ghi mã đại biểu/cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện có đóng dấu treo công ty;

- Phiếu biểu quyết có ghi mã đại biểu/cổ đông hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty;

- Phiếu bầu cử có ghi mã đại biểu/cổ đông, số cổ phần sở hữu hoặc đại diện, tổng số lượng phiếu bầu, có đóng dấu treo công ty.

d) Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường họp sau đây:

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

8) Điều kiện tiến hành;

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d) Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.

9) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

a) Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

b) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

10) Cách thức bỏ phiếu;

a) Tất cả các nội dung trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông đều phải thông qua bằng cách lấy ý kiến của tất cả cổ đông, đại diện theo ủy quyền cổ đông tham dự bằng Thẻ/Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu bầu cử theo số cổ phần sở hữu hoặc đại diện.

b) Trình tự biểu quyết đối với từng nội dung được đưa ra trước Đại hội:

- Tán thành (đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- Không tán thành (không đồng ý) với nội dung vừa được trình;
- Không có ý kiến với nội dung vừa được trình.

c) Phương thức bầu, biểu quyết:

- Phương thức dùng Phiếu biểu quyết: mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông được phát một (01) phiếu biểu quyết trong đó có 03 ý kiến: tán thành, không tán thành, không có ý kiến với từng nội dung biểu quyết. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô mình chọn. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và các tờ trình tại Đại hội.

- Phương thức dùng Phiếu bầu cử: cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông đánh dấu “X” vào ô có tên của người mình muốn bầu. Phương thức này dùng để bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Phương thức giờ Thẻ biểu quyết: Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, mỗi cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết thì giờ thẻ biểu quyết. Phương thức này dùng để thông qua các nội dung khác (trừ các báo cáo, tờ trình, bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát) tại Đại hội.

d) Tính hợp lệ của Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử:

- Về hình thức: Phiếu hợp lệ là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, có dấu treo của công ty, không tẩy xóa, cạo sửa và phải có chữ ký của cổ đông hoặc đại diện.

- Về nội dung:

+ Phiếu biểu quyết không ghi thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, đánh dấu “X” bằng bút chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết.

+ Phiếu bầu cử:

- Không ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Đánh dấu “X” bằng bút mực, không ghi nội dung bằng viết chì, không gạch tên các ứng cử viên;
- Số ứng cử viên bầu nhỏ hơn hoặc bằng số lượng ứng cử viên cần bầu;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu được phép bầu của cổ đông, đại diện theo yêu cầu ủy quyền cổ đông;
- Phiếu nộp trước khi Ban kiểm phiếu mở niêm phong thùng phiếu.

11) Cách thức kiểm phiếu;

Giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu:

a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm giám sát và ghi nhận kết quả biểu quyết, kiểm phiếu. Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

b) Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm giám sát việc biểu quyết của các cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự phiên họp và kiểm tra số thẻ/Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử của từng nội dung, ghi nhận và báo cáo kết quả biểu quyết, bầu cử tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông.

12) Thông báo kết quả kiểm phiếu;

Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu tại biên bản kiểm phiếu của Đại hội đồng cổ đông. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu này đến cổ đông. Biên bản kiểm phiếu này được đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và được lưu trữ tại Thư ký công ty.

13) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;

a) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản c, d và e Khoản này:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Tổ chức lại, giải thể công ty;

b) Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản a, c, d và e Khoản này.

c) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

d) Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành; tỷ lệ cụ thể do Điều lệ công ty quy định.

đ) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

e) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

14) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

15) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Chương trình và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

c) Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

d) Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

đ) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

e) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

16) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông còn được công bố đến Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong vòng 24h kể từ Nghị quyết được thông qua.

III. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

1) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

a) Các trường hợp được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đề thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại điểm b, Khoản 1, Mục III.

b) Các trường hợp không được ý kiến bằng văn bản:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

2) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;

b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lấy ý kiến;
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- Vấn đề cần lấy ý kiến đề thông qua;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

- Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

- Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường

hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

đ) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

e) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

f) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2) Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật này;

- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật này;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;
- Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

II) Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

- Hội đồng quản trị có 03 thành viên.
- Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

- Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

2) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

- * Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

3) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông:

+ Năm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên vào Hội đồng quản trị.

+ Năm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên vào Hội đồng quản trị.

+ Năm giữ từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên vào Hội đồng quản trị.

+ Năm giữ từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên vào Hội đồng quản trị.

+ Năm giữ từ 50% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng viên vào Hội đồng quản trị.

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

+ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ chuyên môn;

+ Quá trình công tác;

+ Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

+ Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

+ Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội

đồng quản trị (nếu có).

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp, cụ thể:

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

- Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định trên.

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

- Trừ trường hợp quy định trên, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công ty thay đổi, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử công ty, trang thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin Sở giao dịch chứng khoán (Theo Bản cung cấp thông tin cầu người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC, ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính).

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

Nếu các ứng cử viên xét đủ điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều 155 của Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 03 của Quy chế này thì ứng viên có thể tự ứng cử hoặc được cổ đông hay nhóm cổ đông giới thiệu với Đại hội về việc ứng cử, đề cử tham gia thành viên Hội đồng quản trị theo quy định.

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

III) Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

1) Công ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, trả lương, theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2) Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

- Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

- Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

3) Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

IV) Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

1) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm;

Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường

2) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

Đề nghị quy định tại Điểm b, Khoản 4 này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

3) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

Theo yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị, Thư ký công ty ban hành thông báo mời họp bằng thư hoặc mời trực tiếp gửi đến thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; và các thành viên ban điều hành hoặc người quản lý khác (nếu cần). Thư ký công ty thông báo đến các thành viên dự họp nội dung cần thảo luận và quyết định, địa điểm, ngày giờ, các tài liệu cần thiết cho cuộc họp và phiếu biểu quyết nếu cần.

4) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp

6) Cách thức biểu quyết;

- Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết và có giá trị như nhau không phân biệt việc thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ cổ phần nhiều hay ít. Trong trường hợp có nhiều ý kiến khác nhau thì Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể đề nghị các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết bằng phiếu biểu quyết.

- Các hình thức biểu quyết: Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

+ Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

+ Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định.

+ Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;

+ Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản

trị chậm nhất một giờ trước khi cuộc họp tổ chức tiến hành. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

7) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

8) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian, địa điểm họp;

+ Mục đích, chương trình và nội dung họp;

+ Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

+ Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

+ Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

+ Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

- Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

- Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

10) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại dấu cộng dòng 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 và 8 Điểm i này thì biên bản này có hiệu lực.

11) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị được đăng trên trang thông tin điện tử công ty, tùy trường hợp theo quy định công bố thông tin thì công bố thêm trên trang thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

V) Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

1) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty;
Người quản trị công ty phải là hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho các tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

2) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
Hội đồng quản trị công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người quản trị công ty có thể kiêm nhiệm Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5, Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

3) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty không đủ tiêu chuẩn và không hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Điểm a, Điểm d Khoản 5 và không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động

4) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;
Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công ty thay đổi, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử công ty, trang thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin Sở giao dịch chứng khoán.

5) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

I) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1) Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

- Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp.

- Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

- Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

- Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

2) Trách nhiệm của Kiểm soát viên

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cần trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trường hợp vi phạm quy định tại các gạch đầu dòng 1, 2, 3 và 4 Điểm này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

- Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

II) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát (trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm a khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp) bao gồm các nội dung chính sau đây:

1) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

- Ban kiểm soát có 03 Kiểm soát viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các Kiểm soát viên; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

- Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

+ Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

+ Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

+ Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

+ Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

+ Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

- Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên công ty đại chúng, doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của

người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

3) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

Thực hiện theo Điểm c, Khoản 2, Điều 3 của Quy chế này.

4) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tại quy định tại khoản 3, Điều 148 Luật doanh nghiệp và theo Điểm d, Khoản 2, Điều 3 Quy chế này.

5) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:
+ Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

+ Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong trường hợp sau đây:

+ Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

+ Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

+ Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

6) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công ty thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên ban kiểm soát công ty. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử công ty, trang thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin Sở giao dịch chứng khoán.

7) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

- Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

- Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 5. Giám đốc (Tổng Giám đốc)

I) Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc (Tổng Giám đốc);

1) Giám đốc hoặc Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc;
- Tuyển dụng lao động;
- Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2) Trách nhiệm của Giám đốc:

Giám đốc điều hành trái với quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

II) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc)

1) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc (Tổng Giám đốc);

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

2) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc);

- Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.
- Giám đốc hoặc Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc);

Hội đồng quản trị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc khi Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc không thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

4) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc (Tổng Giám đốc);

Công ty công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ kể từ khi công ty thay đổi, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử công ty, trang thông tin Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin Sở giao dịch chứng khoán.

5) Tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc (Tổng Giám đốc).

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của công ty.

Điều 6. Các hoạt động khác

1) Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc), gồm các nội dung chính sau đây:

1) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc);

- Hội đồng quản trị mời Trưởng ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có thể mời thêm một số thành viên ban điều hành, kiểm soát viên tham dự.

- Tại các cuộc họp quan trọng, Trưởng ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và ban điều hành tham dự cuộc họp của ban kiểm soát.

- Tại các cuộc họp quan trọng, Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và ban điều hành tham dự.

- Thư mời họp phải có đầy đủ nội dung chương trình họp kèm tài liệu họp (nếu có) và phải được chuyển đến người được mời ít nhất 03 ngày trước khi cuộc họp diễn ra. Thành viên được mời dự họp dự thính có thể tham gia thảo luận, ý kiến được chủ tọa cho phép nhưng không có quyền biểu quyết trong cuộc họp. Biên bản, quyết định, nghị quyết cuộc họp được gửi cho các thành viên tham dự phiên họp (bao gồm cả thành viên họp dự thính) trong thời gian 05 ngày làm việc sau cuộc họp kết thúc.

2) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác sẽ được chuyển cho ban kiểm soát trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Giám đốc (Tổng Giám đốc);

Bản sao các nghị quyết, quyết định và các văn bản khác của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển cho Giám đốc chậm nhất là trong thời gian 05 ngày làm việc sau khi cuộc họp của Hội đồng quản trị kết thúc và cùng thời điểm được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

4) Các trường hợp Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

Khi Giám đốc (Tổng Giám đốc) và Ban kiểm soát nhận thấy công việc quan trọng cần thiết cần trình bày với Hội đồng quản trị thì yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp theo yêu cầu.

5) Báo cáo của Giám đốc (Tổng Giám đốc) với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Định kỳ Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo cho Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

6) Các vấn đề Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

- Kết quả thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh, đầu tư và các chỉ tiêu tài chính và các vấn đề khác so với kế hoạch đã đưa ra theo định kỳ.

- Báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động của công ty theo định kỳ và theo yêu cầu của Hội đồng quản trị.

- Giám đốc trình Hội đồng quản trị thông qua báo cáo tài chính năm thực hiện của năm tài chính.

- Trước ngày 31/3 hàng năm, Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch sản xuất, kinh doanh và kế hoạch tài chính chi tiết cho năm tài chính đó.

- Mọi quyết định và các văn bản chỉ đạo điều hành của Giám đốc có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đều phải được gửi đến Hội đồng quản trị, ban kiểm soát 01 bản để báo cáo.

7) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc (Tổng Giám đốc) theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tình thân hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và các quy chế quản lý nội bộ của công ty.

- Trường hợp cần thiết, các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Giám đốc có thể thông tin ngay (trực tiếp hoặc qua điện thoại, email) cho nhau, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thuận lợi.

II) Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các người điều hành doanh nghiệp khác;

1) Đánh giá hoạt động

*** Phương thức đánh giá hoạt động:**

- Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:

+ Tự nhận xét, đánh giá.

+ Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm.

- Đối với người quản lý khác thuộc diện bổ nhiệm của Giám đốc thì Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

2) Tiêu chí đánh giá hoạt động:

- Hội đồng quản trị đánh giá về phẩm chất đạo đức, năng lực, kết quả và hiệu quả về quản trị, điều hành của mỗi thành viên Hội đồng quản trị, ban điều hành theo chức năng, nhiệm vụ thành viên quy định tại Điều lệ công ty và nghị quyết được giao hàng năm. Việc đánh giá này có tham khảo ý kiến của Trưởng ban kiểm soát.

- Giám đốc đánh giá khen thưởng đối với các chức danh do Giám đốc bổ nhiệm.

- Ban kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa vào chức năng, nhiệm vụ của kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- Đối với người đại diện phần vốn nhà nước do cơ quan đại diện phần vốn nhà nước đánh giá hàng năm theo kế hoạch, chương trình công tác trên cơ sở lấy kiến của các thành viên Hội đồng quản trị và tham khảo ý kiến của Trưởng ban kiểm soát.

3) Khen thưởng và kỷ luật:

- Khen thưởng:

+ Thẩm quyền khen thưởng do Hội đồng thi đua khen thưởng và kỷ luật công ty xem xét, quyết định.

+ Các quy trình, trình tự khen thưởng thực hiện theo quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật của công ty.

- Chế độ khen thưởng:

+ Bằng tiền; hoặc

+ Hiện vật.

- Chi khen thưởng: việc chi khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, ban điều hành và người quản lý khác được thực hiện theo quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật của công ty.

- Kỷ luật: Nguyên tắc, hình thức, trình tự xử lý vi phạm, kỷ luật người quản lý công ty theo quy chế thi đua khen thưởng và kỷ luật công ty; theo pháp luật lao động hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, bao gồm 07 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ngô Thành Thía

Số: 09/TTr-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và giao cho HĐQT hoàn thiện, ký ban hành.

(Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban GD;
- BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (02703) 822729

Website : <http://www.vipuco.vn>



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG
QUẢN TRỊ



THÁNG 6 NĂM 2021

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II	2
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	2
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	3
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	3
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .	5
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	6
Chương III.....	6
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	6
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	6
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	8
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.	9
Chương IV.....	10
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	10
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	10
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	11
Chương V	12
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH.....	12

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm.....	12
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị ..	13
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan.....	13
Chương VI.....	14
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành.....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán.....	14
Chương VII	15
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021.

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐHĐCĐ-CTCC, ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần...

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu

trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc (Tổng giám đốc) tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc (Tổng giám đốc), Phó giám đốc (Phó Tổng giám đốc), người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 03 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Giám đốc (Tổng giám đốc) và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc).
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên

tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu

nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là [03 người] bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. [Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị]. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua

tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV **CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được

đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công

ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm

sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc (Giám đốc) và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối

hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 6 năm 2021.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Ngô Thành Thía

Số: 10/TTr-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đối với công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và giao cho Ban Kiểm soát hoàn thiện, ký ban hành.

(Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát công ty kèm theo)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban GD;
- BKS;
- Lưu VT, Thư ký HĐQT

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Ngô Thành Thía

CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

Điện thoại : (02703) 822729

Website : <http://www.vipuco.vn>



QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN
KIỂM SOÁT



THÁNG 6 NĂM 2021

MỤC LỤC

Chương I.....	3
QUY ĐỊNH CHUNG.....	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Chương II.....	4
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN).....	4
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát.....	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát ..	6
Chương III.....	7
BAN KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	7
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	9
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	10
Chương IV.....	10
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	10
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	10
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	10
Chương V.....	10
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	10
Điều 16. Trình báo cáo hàng năm.....	11
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác.....	11
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan.....	12

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQĐHĐCĐ-CTCC, ngày 29 tháng 6 năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác];

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và [Điều lệ công ty].

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng

cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban

kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty

khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo

yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác].

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI **MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT**

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long bao gồm VII chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Phạm Công Hiến

Số: 11/TTr-HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2016-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ công ty được sửa đổi bổ sung lần thứ 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ nhiệm kỳ HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2016-2021.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua việc miễn nhiệm thành viên HĐQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2016-2021 của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, như sau:

1. Thông qua miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021 do hết nhiệm kỳ.

- Ông Ngô Thành Thía
- Ông Nguyễn Văn Thuận
- Bà Lê Thị Thanh Nhân
- Bà Nguyễn Thị Quý
- Ông Đào Thanh Liêm

2. Thông qua miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016-2021 do hết nhiệm kỳ.

- Ông Phạm Công Hiền
- Ông Trương Tấn Đạt
- Ông Lương Minh Triết

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Số: 12/TTr-HĐQT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 04 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 04/NQ-HĐQT, ngày 11/5/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Căn cứ quy mô tổ chức, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và kế hoạch của công ty trong nhiệm kỳ tới.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua số lượng thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

1. Hội đồng quản trị:

-Số lượng thành viên HĐQT: 03 người.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Ban Kiểm soát

-Số lượng thành viên BKS: 03 người.

Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



Số: 13/TTr-HĐQT-CTCC

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc đề cử, ứng cử thành viên HĐQT và BKS nhiệm kỳ II (2021-2026)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long;

Căn cứ công văn số 3280/UBND-KTNV, ngày 23/6/2021 của UBND tỉnh Vĩnh Long về việc cho ý kiến giới thiệu nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long, nhiệm kỳ 2021-2026.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 danh sách nhân sự tham gia Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long, cụ thể như sau:

1. Danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên thành viên HĐQT nhiệm kỳ II (2021-2026).

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 người, Nhiệm kỳ 05 năm (2021-2026)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Người đề cử	Vị trí ứng cử
1	Ngô Thành Thía	1968	HĐQT	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Văn Thuận	1965	HĐQT	
3	Nguyễn Khắc Yên Đan	1974	HĐQT	

2. Danh sách nhân sự đề cử, ứng cử thành viên thành viên BKS nhiệm kỳ II (2021-2026).

- Số lượng thành viên BKS: 03 người, Nhiệm kỳ 05 năm (2021-2026)

Stt	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Người đề cử	Vị trí ứng cử
1	Phạm Công Hiền	1978	HĐQT	Trưởng ban kiểm soát
2	Trương Tấn Đạt	1981	HĐQT	
3	Phạm Thị Phương Loan	1984	HĐQT	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.



**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

[Handwritten signature]
Ngô Thành Thía

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ ĐỀ CỬ/ ỨNG CỬ VÀ BẦU CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CTY CP CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thông qua ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Ban Kiểm phiếu Đại hội công bố Quy chế đề cử, ứng cử bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

II. Chủ tọa tại đại hội:

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử và ứng cử vào HĐQT và BKS;
- Giám sát việc bỏ phiếu, kiểm phiếu;
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Quy chế đề cử, ứng cử HĐQT

- Số lượng thành viên HĐQT: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2021- 2026
- Số lượng ứng cử viên HĐQT tối đa: theo quy định

1. Quyền đề cử, ứng cử HĐQT: (theo Điều 25 Điều lệ công ty)

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cụ thể như sau: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ:

- Từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên vào HĐQT.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị: Ứng cử viên tham gia HĐQT phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (Theo Khoản 1 Điều 155 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14); Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty ít nhất là 03 năm và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý công ty.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên HĐQT của tối đa 05 công ty khác.

IV. Quy chế đề cử ứng cử BKS:

- Số lượng thành viên BKS: 03 người
- Nhiệm kỳ: 2021 - 2026
- Số lượng ứng cử viên BKS tối đa: theo quy định

1. Quyền đề cử, ứng cử: (theo Điều 36 Điều lệ công ty)

Việc ứng cử đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định ứng cử, đề cử thành viên HĐQT.

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Tiêu chuẩn ứng cử thành viên Ban Kiểm Soát: Ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây (Theo Điều 169 của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14)

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của công ty;

- Không được là người có quan hệ gia đình (vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng) của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ, của người đại diện phần vốn doanh nghiệp tại công ty mẹ và tại Công ty;

- Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

- Không làm trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

V. Nguyên tắc bầu cử:

- Thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Quyền bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu. Kết quả bầu cử được tính trên số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông dự họp.

- Mỗi lần bầu cử, một đại biểu cổ đông chỉ được sử dụng một phiếu bầu tương ứng với số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu.

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đoàn đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử và ứng cử vào Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

VI. Phương thức bầu cử:

- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu. Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

- Phương thức bầu cử: (Theo Khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 59/2020/QH14)

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu: theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT

hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

- Mỗi cổ đông dự họp được cấp một phiếu bầu HĐQT và một phiếu bầu BKS. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

- Cách ghi Phiếu bầu cử:

- + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số thành viên cần bầu.

- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc chia đều toàn bộ số phiếu cho các ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” của các ứng viên tương ứng.

- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho từng ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn đều phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Phiếu bầu cử sẽ được bỏ vào thùng phiếu đã được niêm phong trước khi tiến hành kiểm phiếu.

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;

- Gạch tên các ứng cử viên; Quy chế Đề cử, Ứng cử, Bầu cử Tài liệu Đại hội cổ đông thường niên năm 2021

- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;

- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng thành viên cần bầu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của các đại biểu lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;

- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

- Việc kiểm phiếu: Tiến hành dưới sự giám sát của đại diện cổ đông (nếu cần).

- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).

- Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định và mở ra theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông của công ty.

VII. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên:

- Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.

- Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.

- Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử, ứng cử để bầu vào HĐQT, BKS:

Hồ sơ tham gia ứng cử, đề cử để bầu vào HĐQT và BKS bao gồm:

- Đơn xin ứng cử/đề cử để bầu vào HĐQT và BKS (theo mẫu)
- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu)
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú
- Các bằng cấp chứng nhận trình độ văn hoá và trình độ chuyên môn (nếu có)
- Giấy xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông thỏa mãn điều kiện đề cử như trong điều lệ công ty quy định.

- Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

Hồ sơ xin gửi về Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long nhận trước 16 giờ ngày 17 tháng 6 năm 2021 theo địa chỉ sau:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
- Địa chỉ: Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại: (02703) 822 729

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử đề cử thành viên để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Ngô Thành Thía

PHỤ LỤC

HƯỚNG DẪN BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026 THEO PHƯƠNG THỨC BẦU DÒN PHIẾU

(Ban hành kèm theo Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử HĐQT, BKS tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021)

1. Loại phiếu bầu cử:

- + Phiếu màu HỒNG: Bầu thành viên Hội đồng quản trị
- + Phiếu màu XANH: Bầu thành viên Ban kiểm soát

2. Ghi phiếu:

- Mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (bao gồm cổ phần sở hữu và được ủy quyền) x (nhân) với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị x (nhân) với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát.

- Tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông đã được ghi trên phiếu bầu cử.

- Cổ đông có thể chia tổng số phiếu bầu cho tất cả các ứng viên hoặc dồn hết tổng số phiếu bầu cho một hoặc một số ứng cử viên nhưng đảm bảo: Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên theo phương thức bầu dòn phiếu không vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên Phiếu bầu cử.

Ví dụ 1: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 03 thành viên bầu vào Hội đồng quản trị.

Quý cổ đông Nguyễn Văn A nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 1.000 cổ phần có quyền biểu quyết.

Khi đó tổng số phiếu bầu của cổ đông Nguyễn Văn A là:

$$1.000 \times 3 = 3.000 \text{ Phiếu để bầu thành viên Hội đồng quản trị}$$

Cổ đông Nguyễn Văn A có thể bầu dòn 3.000 phiếu này theo 01 trong 04 phương thức sau:

* **Phương thức 1:** Cổ đông Nguyễn Văn A chia đều mỗi ứng cử viên 1.000 phiếu bầu trong tổng số 3.000 phiếu bầu của mình cho 03 ứng viên vào Hội đồng quản trị.

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	1.000
2. Ứng cử viên 2	1.000
3. Ứng cử viên 3	1.000
Tổng số phiếu bầu	3.000

* **Phương thức 2:** Cổ đông Nguyễn Văn A dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho 01 ứng cử viên

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	x
2. Ứng cử viên 2	3.000
3. Ứng cử viên 3	x
Tổng số phiếu bầu	3.000

* **Phương thức 3:** Cổ đông Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu của mình cho 03 ứng cử viên nhưng không đều nhau.

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	500
2. Ứng cử viên 2	1.000
3. Ứng cử viên 3	1.500
Tổng số phiếu bầu	3.000

* **Phương thức 3:** Cổ đông Nguyễn Văn A không dồn hết phiếu bầu của mình cho ứng cử viên.

Họ tên ứng cử viên	Số phiếu bầu
1. Ứng cử viên 1	300
2. Ứng cử viên 2	1.000
3. Ứng cử viên 3	700
Tổng số phiếu bầu	2.000

Ví dụ 2: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết chọn 03 thành viên bầu vào Ban kiểm soát. Quý cổ đông Nguyễn Văn B nắm giữ (bao gồm sở hữu và được ủy quyền) 2.000 cổ phần có quyền biểu quyết. Khi đó tổng số phiếu bầu của Cổ đông Nguyễn Văn B

là $2.000 \times 3 = 6.000$ Phiếu để bầu thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông Nguyễn Văn B có thể bầu dồn phiếu theo các phương thức như bầu Hội đồng quản trị nêu trên.

3. Bỏ phiếu: Cổ đông bỏ phiếu bầu cử HĐQT, BKS vào thùng phiếu.

* **Ghi chú: Phiếu bầu không hợp lệ**

- Phiếu không phải do Ban tổ chức ĐHĐCĐ phát hành, không có dấu của Công ty;

- Phiếu bầu cử gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm ứng viên không thuộc danh sách ứng cử viên đã được ĐHĐCĐ thống nhất thông qua trước khi tiến hành bỏ phiếu;

- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho những ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu ghi trên phiếu;

- Các trường hợp khác quy định tại quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Họ và tên : **NGÔ THÀNH THÍA**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 1968
Nơi sinh : Xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
Quê quán : Xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND/Hộ chiếu : 330869889. Cấp ngày: 29/5/2019
Nơi cấp : Công an Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú : 79/28, đường Phạm Thái Bường, Phường 4, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc : (0270) 3830707
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ 10/1993 – 12/1998	Công tác tại Công ty Thương mại Hòa Bình, trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy Vĩnh Long. Chức vụ: Nhân viên phòng Kế hoạch
Từ 1/1999 – 8/1999	Nhân viên phòng Kế hoạch – Kỹ thuật Công ty Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ 8/1999 – 10/2014	Trưởng phòng Kế hoạch – Kỹ thuật - Kinh doanh Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ 10/2014 – 9/2016	Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ 09/2016 đến 10/2020	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long

11/2020 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
-----------------	--

Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long (Vipuco):
 Người đại diện 100% vốn Nhà nước; Chủ tịch HĐQT Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.895.022 cổ phần, chiếm 81,86% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: 2.872.822 cổ phần, chiếm 81,24% vốn điều lệ.
- + Cá nhân sở hữu: 22.200 cổ phần, chiếm 0,62% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: cổ phần.

STT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1						
3						

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

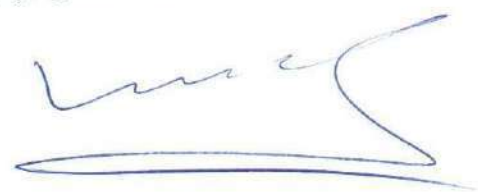
Nếu được bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tôi cam kết sẽ thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ vai trò của thành viên Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng với sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày tháng 5 năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Ngô Thành Thía

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Họ và tên : **NGUYỄN VĂN THUẬN**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 20/10/1965
Nơi sinh : Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Quê quán : Xã Sơn Lễ, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số Căn cước/Hộ chiếu : 042065000416 Cấp ngày:11/03/2021
Nơi cấp : Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về trật tự xã hội
Địa chỉ thường trú : 32/50A Nguyễn Chí Thanh, Phường 5, thành phố Vĩnh Long.
Số điện thoại liên lạc : 0396919909
Trình độ văn hóa :12/12
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
07/09/1993 - 07/12/1994	Chuyên viên Phòng Kinh tế - thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
08/12/1994 - 01/01/1998	Chuyên viên Phòng Quản lý đô thị - thị xã Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
02/01/1998 - 23/12/1998	Phó phòng Kỹ thuật Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long.
24/12/1998 - 31/12/1999	Đội Phó Đội xe chuyên dùng thuộc Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long.
01/01/2000 - 26/09/2000	Đội Phó Đội Sản xuất sản phẩm thuộc Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long.
27/09/2000 - 09/2003	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật Công ty Công trình công cộng Vĩnh

	Long.
09/2003 - 30/09/2005	Trưởng Xưởng Cơ khí thuộc Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long.
01/10/2005 - 19/12/2006	Phó phòng Kế hoạch - Kỹ thuật phụ trách Xưởng Cơ khí Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long.
20/12/2006 - 27/06/2010	Đội phó Đội vận chuyển xử lý chất thải thuộc Công ty Công trình công cộng Vĩnh Long.
28/06/2010 - 26/10/2014	Giám đốc Xí nghiệp Vệ sinh Môi trường thuộc Công ty TNHH Một thành viên Công trình công cộng Vĩnh Long
27/10/2014 - 12/10/2016	Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật – Kinh doanh Công ty TNHH Một thành viên Công trình công cộng Vĩnh Long.
13/10/2016 - 02/07/2018	Thành viên Hội đồng quản trị - Trưởng phòng Kế hoạch - Kỹ thuật – Kinh doanh Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
03/07/2018 – 18/11/2020	Thành viên Hội đồng quản trị - Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
19/11/2020 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long (Vipuco):

Thành viên Hội đồng quản trị - Giám đốc Công ty

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.200 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 2.200 cổ phần, chiếm 0,06% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
Không có cổ phần.

STT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1						
2						

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

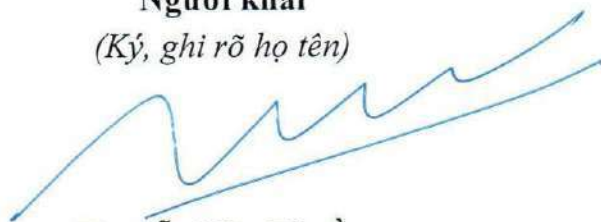
Nếu được bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tôi cam kết sẽ thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ vai trò của thành viên Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng với sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày tháng 5 năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Thuận

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Họ và tên : Nguyễn Khắc Yên Đan
Giới tính : Nam.
Ngày tháng năm sinh : 28/8/1974.
Nơi sinh : Hựu Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh long
Quê quán : Hựu Thành, Huyện Trà Ôn, Tỉnh Vĩnh long
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND/Hộ chiếu : 331204347 Cấp ngày: 6/5/2015.
Nơi cấp : Công an Vĩnh Long.
Địa chỉ thường trú : 8/16 Khóm 1, đường Mậu Thân, phường 3, TP. Vĩnh long, tỉnh Vĩnh Long.
Số điện thoại liên lạc : 0982023999.
Trình độ văn hóa : 12/12.
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
1/1998 - 7/2012	Nhân viên Phòng KII-KT-KD thuộc Cty Công trình công cộng
7/2012 - 7/2018	Phó Phòng KII-KT-KD thuộc Cty CP Công trình công cộng
7/2018 - 5/2021	Trưởng phòng KII-KT-KD thuộc Cty CP Công trình công cộng

Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long (Vipuco):
Trưởng phòng Kế hoạch Kỹ thuật Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không .

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.300 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: Không.
- + Cá nhân sở hữu: 4.300 cổ phần, chiếm 0,13% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 3.800 cổ phần.

ST T	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1	Vợ	Mạc Kiều Trâm	331013795	28/5/2008	CA. Vĩnh Long	3.800

Các khoản nợ đối với Công ty : Không .

Hành vi vi phạm pháp luật : Không .

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không .

Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

Nếu được bầu vào Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 tôi cam kết sẽ thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ vai trò của thành viên Hội đồng quản trị theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng với sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Khắc Yên Đan

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Họ và tên : Phạm Công Hiền
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 30/9/1978
Nơi sinh : Phường 8, TP. Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
Quê quán : Tân Hạnh, Long Hồ, Vĩnh Long.
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND/Hộ chiếu : 331241273 Cấp ngày: 30/9/2017.
Nơi cấp : Công an Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú : 14/19, Ấp Tân Hưng, Xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.
Số điện thoại liên lạc : 0963909192
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán tổng hợp.
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ năm 2001 – 2006	Kế toán Công ty
Từ năm 2006 – 2010	Phụ trách Kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty
Từ 07/2010– 09/2016	Kiểm soát viên Công ty
Từ 09/2016 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát Công ty

Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long (Vipuco):
Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.500 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ, trong đó:

- + Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm% vốn điều lệ
- + Cá nhân sở hữu: 1.500 cổ phần, chiếm 0,04% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: 0 cổ phần.

STT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1						
2						
3						

Các khoản nợ đối với Công ty : Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có

Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

Nếu được bầu vào ban kiểm soát nhiệm kỳ năm 2021-2026, tôi cam kết thực hiện tốt chức năng và nhiệm vụ vai trò của các thành viên Ban kiểm soát theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty và Kế hoạch, chương trình công tác hàng năm của ban kiểm soát.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng với sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 5 năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Công Hiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Họ và tên :TRƯƠNG TẤN ĐẠT.
Giới tính :Nam
Ngày tháng năm sinh :20/05/1981
Nơi sinh :Bệnh viện đa khoa, Phường 1, TPVL, Vĩnh Long.
Quê quán :Phường 3, TPVL, Vĩnh Long.
Quốc tịch :Việt Nam
Dân tộc :Kinh.
Số CMND/Hộ chiếu :331336036. Cấp ngày:18/11/2014.
Nơi cấp :Công an tỉnh Vĩnh Long.
Địa chỉ thường trú :36/32 đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 2, Phường 5, TPVL, Vĩnh Long.
Số điện thoại liên lạc :02703822729.
Trình độ văn hóa :12/12.
Trình độ chuyên môn :Cao đẳng Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
Từ tháng 01/2009 đến 09/2016	Nhân viên tại Xí nghiệp Vệ sinh Môi trường Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ tháng 09/2016 đến 08/2020	Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long
Từ tháng 08/2020 đến nay	Nhân viên Ban kiểm tra, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long.

Chức vụ hiện nay tại Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long (Vipuco):
Nhân viên Ban kiểm tra, Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:Không có.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 0 cổ phần, chiếm 0.% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:
Không có cổ phần.

STT	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1						
2						
3						

Các khoản nợ đối với Công ty :Không có.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không có.

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có.


Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng với sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 05 năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)


Trương Tân Đạt

Tổng số cổ phần Cty: 3.386.222



SƠ YẾU LÝ LỊCH

**của ứng cử viên tham gia vị trí thành viên Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long nhiệm kỳ 2021 – 2026**

Họ và tên : Phạm Thị Phương Loan
Giới tính : Nữ
Ngày tháng năm sinh : 26/08/1984
Nơi sinh : Phường 4, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Quê quán : Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Số CMND/Hộ chiếu : 331482473 Cấp ngày: 11/11/2011
Nơi cấp : Công an Vĩnh Long
Địa chỉ thường trú : 2/14D Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, TP Vĩnh Long
Số điện thoại liên lạc : 0976673003 - 0901073003
Trình độ văn hóa : 12/12
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán tổng hợp
Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
2006 - 2010	Kế toán Công ty CP Lương Thực Thực Phẩm Vĩnh Long
2010 - 2016	Kế toán Công ty Lương Thực Vĩnh Long
2017 - nay	Chuyên viên Phòng KH-KT-KD Công ty CP Công trình Công cộng Vĩnh Long

Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Công trình Công cộng Vĩnh Long (Vipuco):
Chuyên viên Phòng Kế hoạch Kỹ thuật Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

.....

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:0..... cổ phần, chiếm ...0...% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện sở hữu: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu: cổ phần, chiếm% vốn điều lệ.

Tổng số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:0..... cổ phần.

Stt	Quan hệ	Họ và tên	CMND	Ngày cấp	Nơi cấp	Số cổ phần sở hữu
1						
2						
3						

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không

Chương trình hành động và cam kết cá nhân nếu được bầu vào Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần công trình công cộng Vĩnh Long

Nếu được bầu vào Ban Kiểm soát, tôi cam kết sẽ cố gắng nghiên cứu, học hỏi để tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm và sẽ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ cũng như trách nhiệm của kiểm soát viên.

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng với sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Vĩnh Long ngày 13 tháng 5 năm 2021

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Thị Thuý Hằng

Tổng số cổ phần Cty: 3.386.222